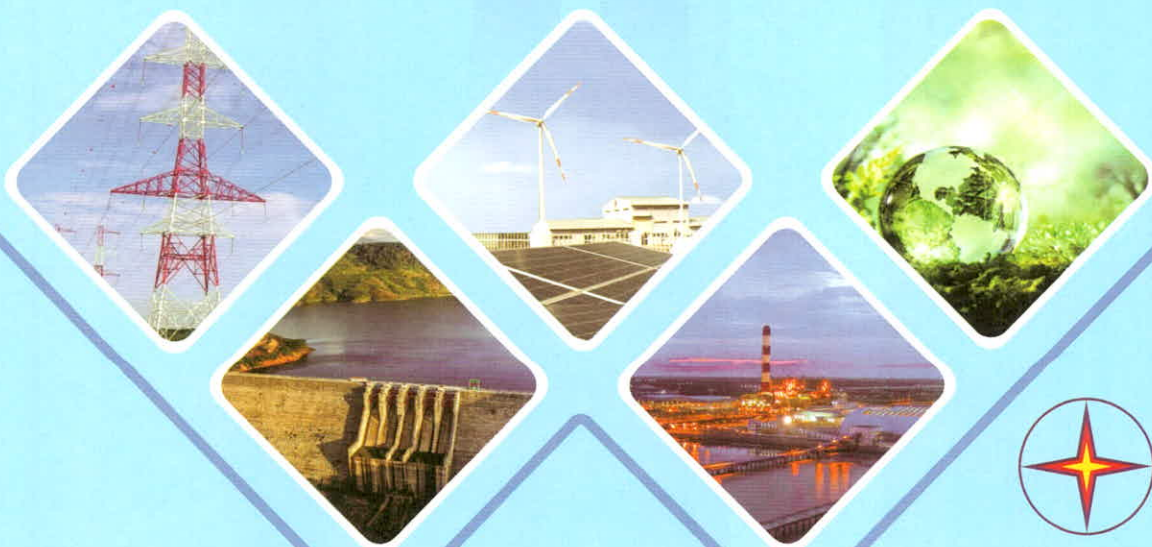


CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020**



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2021



EVN PECC3

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3
Năm báo cáo: Năm 2020

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301475102 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp lần đầu ngày 17/11/2007 và đăng ký thay đổi lần 10 ngày 22/04/2020.
- Vốn điều lệ: 82.760.800.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 82.760.800.000 đồng.
- Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM.
- Số điện thoại: 08.22211169
- Số fax: 08.39307938
- Website: www.pecc3.com.vn
- Mã cổ phiếu: TV3

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là Phòng Thiết kế điện trực thuộc Công ty Điện lực miền Nam (1975), do nhu cầu phát triển nguồn và lưới điện nên ngày 13/02/1979 Bộ Điện và Than đã có QĐ số: 04/ĐT/TCCB thành lập Phân viện Quy hoạch thiết kế điện thay thế cho Phòng Thiết kế điện của Công ty Điện lực miền Nam. Đến ngày 7/5/1986 Bộ Điện Lực có QĐ số: 128/ĐL/TCCB cho đổi tên Phân viện Quy hoạch thiết kế điện thành Trung tâm Năng lượng trực thuộc Công ty Điện lực 2 (tên mới của Công ty Điện lực Miền Nam).
- Năm 1995, ngay sau khi thành lập Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Trung tâm Năng lượng được tách từ Công ty Điện lực 2 chuyển về trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam theo QĐ số: 429/ĐVN-TCCB-LĐ ngày 24/6/1995.
- Ngày 07/4/1999 theo QĐ số: 17/1999/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, quyết định chuyển Trung tâm Năng lượng thành Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
- Ngày 26/01/2007 theo QĐ số: 335/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp phê duyệt phương án và chuyển Công ty Tư vấn xây dựng điện 3 thành Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.
- Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên của Công ty đã được thực hiện ngày 01 tháng 12 năm 2009.

- Trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 không ngừng lớn mạnh, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, nhờ đó đã được Nhà nước tặng 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì, 01 Huân chương Độc lập hạng Ba, 01 Huân chương Lao động hạng Nhất, 01 Huân chương Lao động hạng Nhì và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công thương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- a) Lập qui hoạch phát triển điện lực các huyện, tỉnh, thành phố và qui hoạch phát triển các dự án nhà máy điện: thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, và năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt).
- b) Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu các dự án nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, năng lượng tái tạo; dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dự án đường dây tải điện và trạm biến áp.
- c) Khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn xây dựng công trình nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, công trình dân dụng và công nghiệp.
- d) Thiết kế, lập tổng dự toán công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp); công trình thủy lợi, thủy điện (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông); thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc và thiết kế kết cấu các công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình giao thông cầu - đường bộ;
- đ) Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định tổng dự toán và hồ sơ mời thầu... các dự án xây dựng nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và công trình dân dụng và công nghiệp.
- e) Giám sát thi công xây dựng các công trình thủy lợi, công trình thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân và năng lượng tái tạo; công trình dân dụng và công nghiệp, đường dây tải điện và trạm biến áp.
- g) Giám sát công tác lắp đặt phân điện công trình công nghiệp.
- h) Giám sát thi công và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông cầu - đường bộ;
- i) Giám sát công tác khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn các công trình xây dựng nhà máy điện, lưới điện dân dụng và công nghiệp.
- k) Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện, lưới điện, dân dụng và công nghiệp.
- l) Thi công khoan phụt bê tông, khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng.
- m) Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất.

- n) Thí nghiệm đất, đá, cát, nước, bê tông, thép và các loại vật liệu xây dựng khác.
- o) Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, năng lượng tái tạo và các công trình đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- p) Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng.
- q) Đo đạc bản đồ địa hình, địa chất, và vẽ bản đồ địa chính, chuyên ngành, Atlas...
- r) Khảo sát, lập dự án đầu tư, thiết kế công trình viễn thông.
- s) Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường, di dân tái định cư, đo đạc giải thửa, đền bù giải phóng mặt bằng công trình nhà máy điện, lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp.
- t) Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp.
- u) Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- v) Kinh doanh bất động sản.
- w) Thiết kế bản vẽ thi công và giám sát thi công hệ thống PCCC cho các công trình.
- x) Thi công lắp đặt điện mặt trời trên mái nhà.

- Địa bàn kinh doanh:

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có địa bàn kinh doanh trên toàn lãnh thổ (bao gồm cả đảo) của nước Việt Nam và một số nước trong khu vực Đông Nam Á như Lào, Cam Pu Chia ...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có cơ cấu tổ chức như sau:

- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và ban Tổng Giám đốc
- Khối các đơn vị quản lý gồm 3 đơn vị là: phòng Tổ chức - nhân sự; phòng Kế hoạch - kinh doanh và phòng Tài chính - kế toán;
- Khối các phòng phục vụ và quản lý kỹ thuật gồm các đơn vị: Văn phòng Công ty, phòng Kỹ thuật & quản lý chất lượng, phòng Công nghệ thông tin, phòng Pháp chế.
- Khối các phòng trực tiếp sản xuất gồm các đơn vị: Phòng Thiết kế trạm, phòng Thiết kế đường dây, phòng Tư vấn đền bù, phòng Môi trường, Trung tâm Nhiệt điện và Năng lượng mới, phòng Thiết kế thủy điện, phòng Năng lượng tái tạo, phòng Phát triển dự án, Phòng Phân tích hệ thống điện, Ban EPC.

- Khối các đơn vị trực thuộc Công ty (Chi nhánh công ty).

+ Chi nhánh Xí nghiệp Khảo sát và xây dựng điện.

Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm - Phường 7 - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, công trình đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp).

+ Chi nhánh Miền Trung:

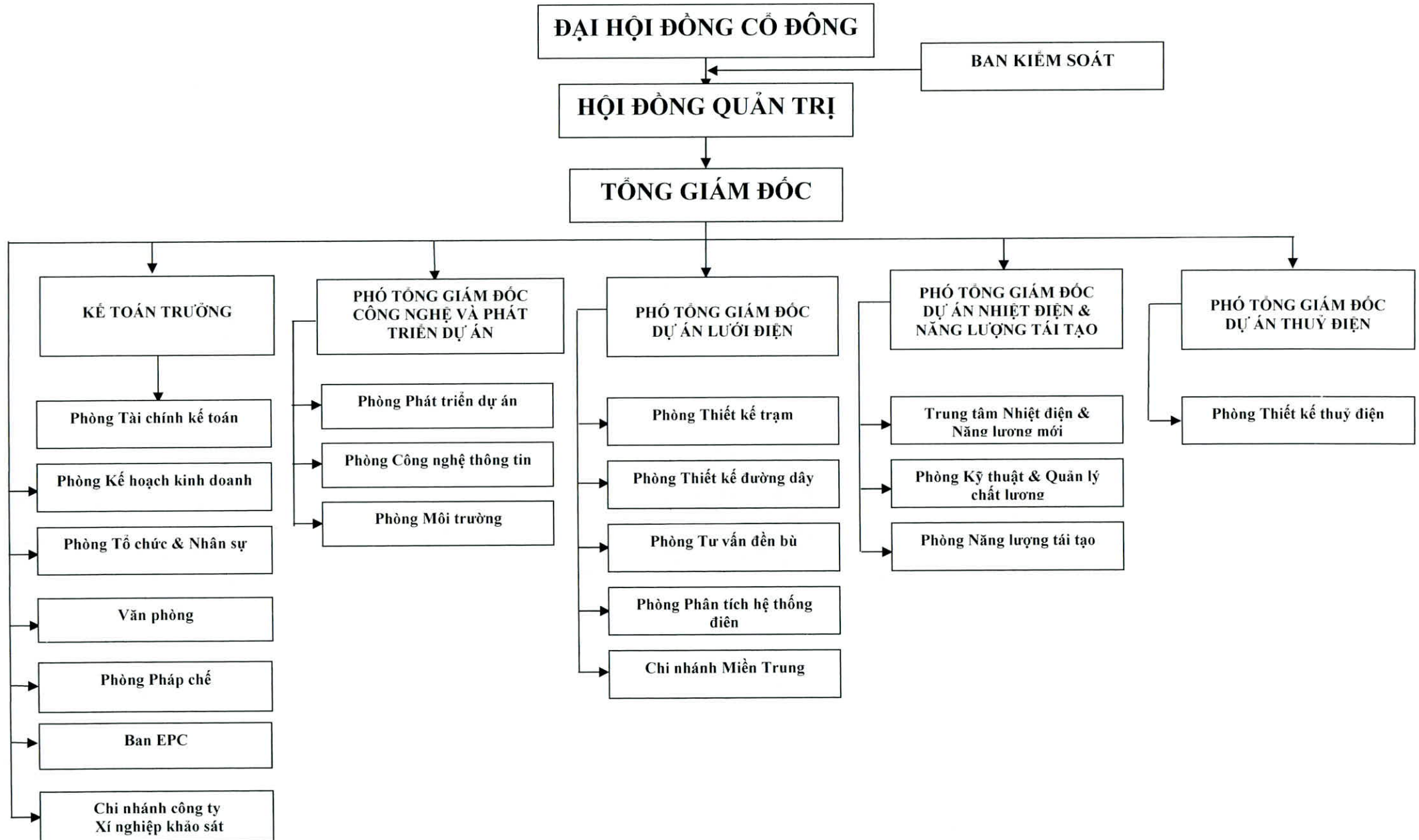
Địa chỉ: Đường 23 tháng 10 - Phường Vĩnh Hiệp - TP. Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư. Lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy điện, nhiệt điện, nguồn và lưới điện) dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp. Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường. Lập tổng dự toán các công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nguồn và lưới điện, các công trình xây dựng dân dụng. Đo đạc khảo sát địa hình xây dựng công trình truyền tải điện. Thiết kế các công trình điện năng, công trình thủy lợi. Giám sát thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

+ Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 233 khách sạn Bình Minh, 27 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Lĩnh vực hoạt động: Thay mặt Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 giao dịch với khách hàng.





5. Định hướng phát triển.

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

+ Tầm nhìn: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 sẽ trở thành công ty tư vấn và thiết kế chuyên nghiệp hàng đầu tại Việt Nam và khu vực, cung cấp dịch vụ chất lượng và uy tín cho các khách hàng trong lĩnh vực năng lượng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng.

+ Sứ mệnh: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 cung cấp các giải pháp xây dựng hiệu quả và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật chuyên nghiệp với đội ngũ có năng lực cao, tinh thần đồng đội, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

+ Giá trị cốt lõi:

- Chính trực – Tin cậy
- Chuyên nghiệp – Sáng tạo – Hiệu quả
- Học hỏi – Phát triển
- Đoàn kết – Hợp tác – Thân thiện

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Phát triển khách hàng tư nhân: Quảng bá thương hiệu, tiếp cận khách hàng tiềm năng; Tối ưu hóa doanh thu đối với khách hàng tư nhân hiện tại; Xây dựng đội ngũ kinh doanh, tiếp thị và chủ nhiệm dự án đáp ứng nhu cầu khách hàng theo “Tập hợp giá trị Khách hàng”.
- Mở rộng kinh doanh đến thị trường công nghiệp và cơ sở hạ tầng: Tiếp thị và tiếp cận khách hàng tiềm năng; Đẩy mạnh bán chéo dịch vụ Tư vấn thiết kế cho khách hàng nguồn điện; Đưa ra giải pháp rút lui khi không khả thi.
- Xây dựng thương hiệu uy tín: Tiếp thị tập trung đến các khách hàng tư nhân tiềm năng; Xây dựng nguồn nhân lực trực tiếp giao dịch với khách hàng; Xây dựng và phát triển văn hóa đáng tin cậy thông qua các hoạt động văn hóa doanh nghiệp.
- Nâng cao chất lượng: Nâng cao năng lực nhân sự trực tiếp giao dịch với khách hàng; Kiểm soát quy trình thực hiện dịch vụ theo CTRs; Các yêu cầu pháp lý và các tiêu chuẩn được áp dụng triệt để; Liên tục cập nhật phản hồi và yêu cầu của khách hàng đến bộ phận trực tiếp thực hiện dịch vụ; Tiếp thị và bán hàng thông qua việc Chăm sóc khách hàng thường xuyên.

c) Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến chiến lược ngắn hạn và trung hạn của Công ty thông qua việc thực hiện các mục tiêu và chương trình cụ thể sau:

- Tăng trưởng doanh thu: tận dụng cơ hội xu hướng đầu tư tư nhân vào lĩnh vực năng lượng tăng cao, đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu đối với những khách hàng tư nhân để từng bước giảm sự phụ thuộc quá lớn vào doanh thu từ Nhà nước, cụ thể Giá trị doanh thu năm 2020 đạt 430 tỷ đồng và Giá trị doanh thu khối Tư nhân đạt 136 tỷ đồng.



- Quản lý hiệu quả chi phí: mang lại sự gia tăng lợi nhuận cho Công ty cũng như thúc đẩy sự đầu tư vào các hoạt động mang lại giá trị cao, cụ thể Giá trị lợi nhuận/doanh thu đạt 5%, xây dựng hệ thống CTRs cho các hoạt động của các đơn vị.
- Quản lý hiệu quả mối quan hệ khách hàng và các cơ quan ban ngành: xác định và quản lý danh sách các Khách hàng tư nhân tiềm năng (có thể mang lại doanh thu). Đồng thời, quản lý các mối quan hệ với các cá nhân, cơ quan có ảnh hưởng đến việc ra quyết định của Khách hàng tiềm năng trong việc lựa chọn tư vấn, cụ thể số lượng khách hàng tư nhân năm 2020 là 40 khách hàng.
- Gia tăng sự nhận biết thương hiệu: gia tăng sự hiện diện của thương hiệu PECC3 đến các khách hàng tiềm năng và các bên liên quan, cụ thể tăng cường tham dự và trình bày tại các buổi hội thảo chuyên ngành quy mô toàn quốc và khu vực.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ: góp phần giúp PECC3 phát triển bền vững năng lực cốt lõi của Công ty, cụ thể hoàn thành các quy trình thực hiện dịch vụ (quy trình sản xuất), quy trình chăm sóc khách hàng, tiếp thị và bán hàng.
- Nghiên cứu sản phẩm và xâm nhập thị trường công nghiệp và Cơ sở hạ tầng: tiến hành nghiên cứu, đánh giá và đưa ra kế hoạch tiếp cận khách hàng và bán sản phẩm, đồng thời đưa ra kế hoạch rút lui khỏi thị trường nếu không khả thi.
- Phát triển năng lực nhân sự chủ chốt: xây dựng kế hoạch đào tạo để phát triển năng lực của các nhân lực chủ chốt, tập trung vào các Chủ nhiệm dự án, Nhân viên kinh doanh, Nhân viên tiếp thị và Nhân viên Chăm sóc khách hàng.
- Xây dựng đội ngũ tập trung chiến lược: đào tạo kỹ năng cho các nguồn lực nội bộ để có thể xây dựng chiến lược và triển khai chiến lược hiệu quả.
- Xây dựng văn hóa đáng tin cậy: xây dựng văn hóa đáng tin trong phạm vi cá nhân, đội nhóm, phòng ban và Công ty sẽ mang lại sự hài lòng, gắn kết của nhân viên cũng như ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc xây dựng thương hiệu uy tín Công ty.

6. Các rủi ro:

- Chiến lược, quy hoạch các phân ngành năng lượng: điện, than, dầu khí, NLTT không được xây dựng dựa trên một chiến lược chung toàn ngành năng lượng dẫn đến sự phát triển không đồng bộ, không thống nhất giữa các phân ngành năng lượng cũng như sự phát triển thiếu đồng bộ, thống nhất, cân đối, hài hòa của toàn ngành năng lượng. Việc này sẽ dẫn đến các rủi ro và khó khăn khi tham gia tư vấn cho các dự án.
- Công tác quy hoạch phát triển điện và quy hoạch sử dụng đất của các địa phương chưa đồng bộ, Chính sách đất đai và giá đền bù thấp. Tuyến đường dây đi qua nhiều địa phương, mỗi địa phương lại áp dụng áp giá đền bù khác nhau. dẫn đến rủi ro trong công tác tư vấn, thiết kế các dự án cụ thể.



- Rủi ro trong công tác giải phóng mặt bằng, đền bù giải tỏa, tranh chấp đất đai... dẫn đến rủi ro cho tiến độ thỏa thuận thực hiện dự án dẫn đến bị phạt hợp đồng do chậm trễ tiến độ.
- Khách hàng ngày càng đòi hỏi nâng cao chất lượng tư vấn nên đưa vào điều khoản hợp đồng ràng buộc trách nhiệm tư vấn ngày càng khắt khe, các điều khoản phạt, bồi thường rất cao nên rủi ro phải bồi thường thiệt hại càng lớn.
- Thị trường cạnh tranh ngày càng quyết liệt với sự xuất hiện của rất nhiều các doanh nghiệp tư vấn ngoài ngành, tư vấn tư nhân và tư vấn nước ngoài.
- Một số thị trường truyền thống như thị trường tư vấn thủy điện đang giảm mạnh. Phát triển điện mặt trời bị chững lại do quy hoạch thiếu đồng bộ giữa nguồn và lưới.
- Nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn ở phía trước sẽ dẫn đến những rủi ro tiềm tàng trong việc triển khai và thanh toán.
- Thủ tục đấu thầu tư vấn mất rất nhiều thời gian. Điều này tạo nên rủi ro lớn lên các đơn vị tư vấn vì khi ký xong hợp đồng thì thời gian thực hiện không còn nhiều nên gây ảnh hưởng tới tiến độ và chất lượng của công trình.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2020.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2020 Công ty thực hiện đạt 95,16% kế hoạch doanh thu, cụ thể 409,2/450 tỷ đồng. Công ty chưa đạt kế hoạch đề ra bởi các nguyên nhân:

- Do dịch Covid, phần doanh thu Tư vấn phụ nước ngoài không thực hiện.
- Các kỹ sư của Công ty đã thực hiện được những công việc của chuyên gia nước ngoài nhưng giá trị doanh thu nghiệm thu được với khách hàng thấp hơn mức nếu công việc đó được thực hiện bởi chuyên gia nước ngoài.
- Chủ quan: sự hợp tác và phối hợp giữa các đơn vị chưa được như kỳ vọng.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2020:

2.1. Kế hoạch doanh thu năm 2020: 430 tỷ đồng (trước thuế)

Doanh thu thực hiện năm 2020: 409,2 tỷ đồng (trước thuế) đạt 95,16% kế hoạch năm 2020.

2.2. Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản:

- Mua sắm tài sản: 6,33 tỷ đồng, đạt 63,3% kế hoạch năm 2020.
- Đầu tư góp vốn năm 2020: 11,2 tỷ đồng.

3. Tổ chức và nhân sự

+ Danh sách Ban điều hành:

a) Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn: Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 18 tháng 10 năm 1973;

Nơi sinh: Đà Nẵng;



Học vị: Thạc sỹ Hệ thống điện

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Quá trình công tác:

Từ 01/2015 đến nay: Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện và điện hạt nhân – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Từ 08/2014 – 12/2014 : Phó Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện và điện hạt nhân – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Từ 07/2013 – 07/2014 : Trưởng phòng Nhiệt điện và điện hạt nhân – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 02/2009 – 06/2013 : Trưởng phòng Dự án nguồn – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 11/2006 – 01/2009 : Phó Trưởng phòng Dự án nguồn – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 04/2002 – 11/2006 : Kỹ sư phòng Dự án nguồn – Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 01/2000 – 03/2002 : Kỹ sư phòng Dự án lưới – Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 07/1996 – 12/1999 : Kỹ sư phòng Hợp tác quốc tế – Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh.

b) Ông Tôn Thất Hùng: Phó Tổng Giám đốc;

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1961;

Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành hệ thống điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1983: Tốt nghiệp Kỹ sư Điện - Đại học Bách khoa Đà Nẵng;

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Đà Nẵng.

Năm 2008: Tốt nghiệp Cao học Quản trị kinh doanh tại Đại học Bách khoa Hà Nội

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh Khu vực II.

Quá trình công tác:

Từ 2008 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;



Từ 2007 đến 2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 3/1999 đến 12/2007: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế miền Trung - Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1992 đến 3/1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

Từ 1983 đến 1992: Nhân viên phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

c) Ông Nguyễn Trí Trinh - Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1962;

Nơi sinh: Quảng Trị

Học vị: Tiến sỹ Công trình thủy

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1984: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành xây dựng thủy lợi - thủy điện tại Đại học Bách khoa Đà Nẵng

Năm 1998: Tốt nghiệp Thạc sỹ Thủy công tại Đại học Thủy lợi

Năm 2008: Tốt nghiệp tiến sỹ Công trình thủy tại Đại học Thủy lợi

Nhiều năm: Các lớp đào tạo Giám đốc điều hành; chủ nhiệm đồ án thiết kế; ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm cho chuyên ngành thiết kế thủy lợi, thủy điện.

Từ 01/7/2013 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 2009 đến 06/2013: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế điện Miền Bắc - Phụ trách văn phòng đại diện tại Hà Nội - Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 8/2003 đến 2008: Phó Giám đốc trung tâm, Trung tâm tư vấn và chuyên gia công nghệ Tổng Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam;

Từ 2001 đến 7/2003: Trưởng phòng, Xí nghiệp thiết kế 3 Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi 1;

Từ 6/1993 đến 2000: Kỹ sư - Xí nghiệp thiết kế 3 Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi 1;

Từ 1990 đến 5/1993: Kỹ sư - Công ty xây dựng thủy lợi Đăk Lăc;

Từ 4/1984 đến 1989: Kỹ sư tư vấn giám sát, Ban kiến thiết Đá Bàn tỉnh Khánh Hòa.

d) Ông Trần Lê Minh - Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 02 tháng 3 năm 1966

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Học vị: Kỹ sư điện. Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1989: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Hệ thống điện tại Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh;

Thạc sỹ quản trị kinh doanh (năm 2010) do đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức.

Nhiều năm: Các lớp đào tạo ngoại ngữ; ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm cho chuyên ngành thiết kế điện, hệ thống điện

Từ 01/02/2009 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2003 đến 2009: TP. Dự án nguồn Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 2003: Phó TP. Dự án Nguồn Công ty TV xây dựng điện 3;

Từ 1990 đến 1999: Phòng Dự án Nguồn Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

e) Ông Nguyễn Duy Bình - Phó Tổng Giám đốc (Đến 31/01/2021)

Sinh ngày: 22 tháng 01 năm 1967

Nơi sinh: Phường Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Học vị: Kỹ sư thiết bị điện tàu thủy. Thạc sỹ kỹ thuật điện; Thạc sỹ Quản trị tài chính doanh nghiệp.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

+ Từ 9/2015 – 9/2017: Học và tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị tài chính doanh nghiệp Trường ESCP/Paris Dauphine, Cộng Hòa Pháp;

+ Năm 1991: Tốt nghiệp Thạc sỹ Kỹ thuật điện tại Trường Đại Học Kỹ thuật Điện Leningrad – Liên Xô cũ.

+ Từ 1985- 1991: Học tại trường Đại Học Kỹ thuật Điện Leningrad, Liên Xô.

Quá trình công tác:

+ Từ 01/2/2021: Chấm dứt Hợp đồng lao động tại Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 để chuyển công tác sang Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam;

+ Từ 16/5/2019 đến 31/1/2021: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

+ 3/2015 – 5/2019: Phó Trưởng Ban KT-SX EVN

+ 1/2015-2/2015: Trợ Lý Chủ tịch Hội Đồng Thành viên EVN (Hàm trưởng Ban Tập đoàn);

+ 9/2008-12/2013: Phó Chủ tịch Tập Đoàn Alstom (Thụy Sĩ) phụ trách chuỗi cung ứng và Sản xuất toàn cầu;



+ 6/2000-8/2008: Trưởng Đại Diện công ty công ty Alstom Thủy Sỹ tại Việt Nam;

+ 1/1999-5/2000: Kỹ sư hiệu chỉnh nhà máy thủy điện – Công ty Liên Doanh ABB Alstom Power, Thủy Sỹ;

+ 10/1996-12/1998: Kỹ sư hiệu chỉnh nhà máy nhiệt điện tuabin khí- Công ty ABB, Thủy Sỹ;

+ 9/1991-9/1995: Kỹ Sư Trưởng Giàn Khoan – Liên Doanh Dầu khí Việt Xô.

f) Ông Phạm Hoàng Vinh: Kế toán trưởng

Sinh ngày: 26 tháng 10 năm 1971

Nơi sinh: TP Hồ Chí Minh

Học vị: Cử nhân kế toán.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 2017: Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành kế toán tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Năm 1995: Tốt nghiệp Cao đẳng chuyên ngành kế toán tại Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Nhiều năm: Các lớp đào tạo về tài chính; về quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm kế toán;

Từ 01/01/2019 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 01/12/2007 đến 31/12/2018: Trưởng phòng TCKT Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 2005 đến 2007: Trưởng Phòng TCKT Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 2005: Phó Trưởng phòng TCKT Công ty TV xây dựng điện 3;

Từ 1995 đến 1999: Nhân viên Phòng TCKT Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

+ Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số lao động tính đến 31 tháng 12 năm 2020 là: 469 người;

Công ty có lực lượng lao động trẻ, trí thức và năng động với 480 cán bộ công nhân viên trong đó 80% có trình độ cao đẳng, trung cấp, đại học và trên đại học, cụ thể như sau:

- Tiến sĩ:	02 người
- Thạc sĩ:	31 người
- Kỹ sư và đại học,	305 người
- Cao đẳng - Trung cấp:	61 người
- Công nhân kỹ thuật:	48 người
- Lao động phổ thông:	22 người



Lực lượng lao động của Công ty bao gồm nhiều chuyên ngành như: điện, xây dựng, kiến trúc, thủy công, năng lượng, cơ khí, trắc địa, địa chất, thủy văn, kinh tế, tài chính, luật, tin học, môi trường ... được đào tạo từ các trường đại học trong và ngoài nước.

Đối với người lao động, Công ty áp dụng các chế độ, chính sách trả lương thưởng và phúc lợi theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời áp dụng hệ thống trả lương 3P để khuyến khích người lao động làm việc hiệu quả hơn, góp phần tăng năng suất lao động và hiệu quả cho doanh nghiệp.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

4.1. Tình hình đầu tư:

- Đầu tư góp vốn năm 2020: **11,2 tỷ đồng** vào Công ty CP phong điện Thuận Bình.

4.2. Tình hình thực hiện dự án:

4.2.1. Nhiệt điện:

Các dự án ký hợp đồng tư vấn trong năm 2020:

- TKKT NMĐ Hiệp Phước.
- BCNCTKT, BCNCKT NMĐ chu trình hỗn hợp khí Ô Môn II.
- BCNCTKT NMĐ Long Phú 2.
- Thẩm tra BCNCKT NMĐ Dung Quất I; Dung Quất III.
- BVTC-DT nhà kho vật tư, TB dự Phòng NMNĐ Vĩnh Tân 4 MR.

4.2.2. Thủy điện:

- Các dự án ký hợp đồng tư vấn năm 2020:

- Thẩm tra TKKT-DT Thủy điện Yaly MR.
- Quan trắc Thủy điện Đa Nhim – Sông Pha.
- Ứng phó tình huống khẩn cấp Công trình thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi.
- Thẩm tra TKKT-TDT Thủy điện Hòa Bình mở rộng.
- Lập DAĐT hiệu chỉnh Thủy điện Thượng Kontum.
- Quy trình vận hành hồ chứa Thủy điện Buôn Tua Srah, Buôn Kuốp và Srepok 3.

4.2.3. Lưới điện:

- Các dự án ký hợp đồng tư vấn trong năm 2020:

- Các dự án 500kV của Ban quản lý dự án các công trình điện miền Bắc, Ban quản lý dự án các công trình điện miền Trung, Ban quản lý dự án các công trình điện miền Nam.
- Các dự án 220kV của Ban quản lý dự án các công trình điện miền Bắc, Ban quản lý dự án các công trình điện miền Trung, Ban quản lý dự án các công trình điện miền Nam.

- Các dự án 110 kV của Tổng công ty điện lực miền Nam, Tổng công ty điện lực miền Trung

4.2.4. Năng lượng tái tạo:

- **Các dự án ký hợp đồng tư vấn trong năm 2020:**

Một số dự án của khách hàng, chủ yếu là nhà đầu tư tư nhân

4.3 Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính.

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng, giảm
<i>Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	313.334	318.880	1,77%
Doanh thu	387.783	409.2	5,5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/	24.634	23.763	-3,54%
Lợi nhuận khác	(1.622)	589	136,31%
Lợi nhuận trước thuế	23.012	24.352	5,82%
Lợi nhuận sau thuế	16.919	19.620	15,96%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,16	1,00	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho /</u> Nợ ngắn hạn	1,06	0,9	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,65	0,64	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,89	1,76	



3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	11,46	15,15	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,24	1,27	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,36%	4,86%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	15,60%	16,96%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,40%	6,15%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	6,35%	5,89%	

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần 8.276.080 cổ phần trong đó có 14 cổ phiếu quỹ, số còn lại là cổ phần được chuyển nhượng tự do

Danh sách người đại diện phần vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam

- Thái Tuấn Tài: Đại diện 1.614.854 cổ phần, chiếm 19,51% vốn điều lệ;
- Nguyễn Như Hoàng Tuấn: Đại diện 1.211.140 cổ phần, chiếm 14,63% vốn điều lệ;
- Tôn Thất Hùng: Đại diện 1.211.140 cổ phần, chiếm 14,63% vốn điều lệ;

b- Cơ cấu cổ đông:

(Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam)

- Vốn điều lệ công ty: 82.760.800.000 đồng
- Vốn nhà nước (EVN): 40.371.340.000 đồng
- Vốn cá nhân trong nước: 28.157.830.000 đồng
- Vốn tổ chức trong nước: 54.596.730.000 đồng

- Vốn nước ngoài (cá nhân): 6.240.000 đồng

Họ tên	Số ĐKNSH	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng CP
Ishizuka Yosuke	IS 0617	Kanagawa-ken, Yokohama-shi, Kohoku-ku Hiyoshi- Hocho 6-31-2-103	Japan	280
Yamamoto Kenji	IS 0692	4260-6 Shirasuka Kosai-shi Shizuoka, Japan	Japan	100
Yamazaki Atsushi	IS 0469	165 Ongi, Yotsukaido-shi, Chiba-ken, Japan	Japan	244

- Cổ đông lớn:

- + Tập đoàn điện lực Việt Nam: 4.037.134 cổ phần (48,78%)
- + Công ty cổ phần đầu tư Toàn Việt: 636.249 cổ phần (7,69%)
- + Ông Trần Quốc Điền: 433.177 cổ phần (5,23%)

c- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi: 82.760.800.000 đồng

d- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

e- Các chứng khoán khác: Không có.

7. Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội:

a) Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực Tư vấn xây dựng các công trình điện. Các sản phẩm của Công ty là các sản phẩm mang yếu tố trí tuệ cao trong đó tỷ lệ hàm lượng tiêu tốn nguyên vật liệu để sản xuất và đóng gói là rất nhỏ.

b) Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: Nguồn năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty là điện năng với phụ tải chủ yếu là các thiết bị phục vụ cho công tác của Văn phòng như chiếu sáng, máy điều hòa không khí và các thiết bị văn phòng.

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Công ty đã tiến hành lắp đặt đồng hồ đo đếm điện đến từng đơn vị sản xuất từ đó đã tăng cường công tác quản lý lượng điện năng tiêu thụ, góp phần quan trọng vào mục tiêu tiết kiệm điện năng tiêu thụ trong toàn Công ty.

c) Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nguồn nước được cung cấp từ Công ty cấp nước thành phố Hồ Chí Minh, lượng nước trung bình tiêu thụ hàng năm là khoảng 1.200 m³. Lượng nước này chủ yếu được sử dụng cho các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của toàn bộ các nhân viên trong công ty.

- Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Công ty không sử dụng nguồn nước cho mục tiêu sản xuất, lượng nước tiêu chủ yếu cho sinh hoạt do đó không có nước được tái sử dụng

d) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định và pháp luật về bảo vệ môi trường, các đoàn kiểm tra của các cơ quan chức năng đều đánh giá cao ý thức chấp hành pháp luật và quy định về môi trường của Công ty.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không bị phạt

8. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số người lao động tính đến 31/12/2019: 469 người

- Mức lương trung bình của NLD năm 2020: 22.780.000đ/người

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Công ty đã xây dựng nội quy an toàn vệ sinh lao động, quy trình PCCN với đầy đủ các nội dung quy định và được treo tại các vị trí làm việc.

- Hàng năm, Công ty định kỳ mời các đơn vị có chức năng chuyên môn đến đo đạc, giám sát điều kiện môi trường làm việc. Các thông số đo môi trường làm việc tại Công ty đều đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn, đảm bảo sức khỏe làm việc lâu dài cho NLD.

- Công ty đã trang bị tủ thuốc và dụng cụ cấp cứu, phác đồ cấp cứu đầy đủ tại nơi làm việc của NLD. Trang bị túi cấp cứu cho các đội công tác ở công trường. Mặc dù Công ty không thuộc đơn vị trực tiếp sản xuất nhưng đã xây dựng phương án cấp cứu tại chỗ và tổ chức tập huấn cho tất các đối tượng có mặt tại trụ sở Công ty.



- Năm 2020 xảy ra dịch bệnh COVID-19 nên Công ty chỉ tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần cho người lao động, tỷ lệ khám đạt 96%, tổng chi phí: 415.610.000 đồng. Chi phí cho công tác phòng chống dịch là 192.398.400 đồng.
- Đối với NLD mắc bệnh mãn tính, đơn vị đã thông báo tình trạng sức khỏe đến từng cá nhân và yêu cầu định kỳ phối hợp với y tế cơ quan trong việc theo dõi tình hình bệnh lý cũng như phương pháp điều trị nhằm ổn định bệnh và nâng cao sức khỏe của NLD.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Năm 2020, Công ty tập trung vào công tác đào tạo cán bộ quản lý và đào tạo nhân sự chủ chốt cho các mảng sản phẩm chiến lược của Công ty, ngoài ra Công ty cũng đã thường xuyên tổ chức, cử CBCNV tham dự các khóa đào tạo bổ sung, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.
- Tổng cộng có 82 chương trình gồm đào tạo cán bộ quản lý, đào tạo kỹ năng, bổ sung kiến thức chuyên môn đã được triển khai. Tổng số lượt người được đào tạo là 1307 người. Chi tiết dưới đây:

TT	Chương trình, nội dung đào tạo	Số lượt người được đào tạo	Số giờ đào tạo bq/người (giờ)
I	Đào tạo cán bộ quản lý	91	40
II	Đào tạo nhân sự chủ chốt cho các mảng sản phẩm chiến lược	34	45
III	Đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên	1182	30
	Tổng cộng	1307	

9. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động tham gia, quyên góp ủng hộ: Hưởng ứng kêu gọi của EVN đóng góp Quỹ Tương trợ xã hội, mỗi lao động của Công ty đã đóng góp 01 ngày lương, với tổng số tiền quyên góp được là 325,866,813 đồng;

Công ty đã chung tay ủng hộ quỹ phòng chống Covid -19 (60 triệu đồng) và ủng hộ quỹ phòng chống hạn hán và xâm nhập mặn các tỉnh miền Tây Nam Bộ (40 triệu đồng);

Ủng hộ đồng bào 02 tỉnh miền Trung bị ảnh hưởng nặng nề bởi lũ lụt và sạt lở đất trong đợt mưa lũ lịch sử năm 2020 với số tiền 100 triệu đồng;

Ủng hộ địa phương tại nơi Công ty trú đóng để gây quỹ ủng hộ chăm lo Tết Tân Sửu cho người nghèo tại địa phương, với số tiền 10 triệu đồng;



Hoạt động tình nguyện của tổ chức Đoàn thanh niên Công ty đã ủng hộ xã Xã KRong, huyện KBang, tỉnh Gia Lai với số tiền 3 triệu đồng;

Hưởng ứng “Tuần Lễ Hồng EVN” do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) phát động, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 (PECC3) đã phát động chương trình “Tuần lễ hồng EVN tại PECC3” với tinh thần "Một giọt máu cho đi, một cuộc đời ở lại" vào ngày 21/12/2020. Tổng cộng có 69 lượt CB-CNVC đã tham gia hiến máu nhân đạo.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chưa đạt kế hoạch đề ra bởi các nguyên nhân:

- Thuận lợi:
 - + Tăng trưởng năng lượng các giai đoạn 2021-2025-2030 tiếp tục mạnh, công suất hệ thống điện đến năm 2030 sẽ là 150.000MW so với CS đặt hiện tại là 49.000MW, đây là thách thức cho an ninh năng lượng Việt Nam nhưng cũng là cơ hội để triển khai nhiều dự án trong hiện tại và tương lai
 - + Thương hiệu Công ty ngày càng được khẳng định trên thị trường nội địa lẫn quốc tế.
 - + Đội ngũ kỹ sư và chuyên gia giàu kinh nghiệm, nhiệt tình, làm việc trong các lĩnh vực tạo ra nhiều thế mạnh cho Công ty.
- Khó khăn:
 - + Các khó khăn về kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhiều dự án đang được tiến hành nhưng do thiếu vốn nên bị dừng lại hoặc giãn tiến độ đầu tư làm ảnh hưởng đến công tác khảo sát, thiết kế của Công ty.
 - + Hiện nay Chính phủ tạm dừng chủ trương bảo lãnh vay vốn nên các nguồn vốn ODA vay ưu đãi cho các dự án điện rất hạn chế.
 - + Một số địa phương không ủng hộ xây dựng NĐ than theo Tổng sơ đồ đã được Thủ tướng phê duyệt gây ảnh hưởng đến việc đảm bảo cung cấp điện cho phát triển kinh tế xã hội.
 - + Sự cạnh tranh quyết liệt của nền kinh tế thị trường và của các công ty tư vấn trong ngành điện cũng là một thách thức to lớn đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của Lãnh đạo cũng như toàn thể NLD trong Công ty.
 - + Công tác đấu thầu để tìm kiếm hợp đồng tư vấn ngày càng khó khăn.
 - + Công tác nghiệm thu, thanh toán còn chậm.

+ Ảnh hưởng dịch COVID 19.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2020:

Kế hoạch doanh thu năm 2020: 430 tỷ đồng

Doanh thu thực hiện năm 2020: 409,2 tỷ đồng đạt 95,16%

3. Tình hình tài chính.

Bảng cân đối kế toán:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch so với năm trước
I Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	236.791.822.472	202.306.935.898	(34.484.886.574)
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	93.001.091.226	73.721.708.136	(19.279.383.090)
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	220.790.000	220.790.000	-
3. Các khoản phải thu	130-BCĐKT	123.671.770.233	107.741.937.407	(15.929.832.826)
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi		(14.861.725.486)	(14.996.750.777)	(135.025.291)
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	19.733.301.032	19.923.494.425	190.193.393
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	164.869.981	699.005.930	534.135.949
II Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	76.542.595.773	116.572.921.217	40.030.325.444
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	23.427.599.485	54.253.398.451	30.825.798.966
2. Tài sản cố định:	220-BCĐKT	31.312.151.863	27.623.364.815	(3.688.787.048)
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>221-BCĐKT</i>	<i>19.470.573.019</i>	<i>17.536.908.905</i>	<i>(1.933.664.114)</i>
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	<i>224-BCĐKT</i>	-	-	-
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>227-BCĐKT</i>	<i>11.841.578.844</i>	<i>10.086.455.910</i>	<i>(1.755.122.934)</i>
3. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT	-	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240-BCĐKT	-	-	-
5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	18.985.855.750	29.991.916.461	11.006.060.711
6. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	2.816.988.675	4.704.241.490	1.887.252.815
III. Nợ phải trả	300-BCĐKT	204.881.794.569	203.224.617.494	(1.657.177.075)
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	204.881.794.569	203.224.617.494	(1.657.177.075)
Trong đó : Nợ quá hạn		-	-	-
2. Nợ dài hạn	320-BCĐKT	-	-	-
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	108.452.623.676	115.655.239.621	7.202.615.945
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	108.452.623.676	115.655.239.621	7.202.615.945
<i>Trong đó: vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>411-BCĐKT</i>	<i>82.760.800.000</i>	<i>82.760.800.000</i>	-
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT	-	-	-

a) Tình hình tài sản

Tài sản của Công ty biến động tăng 1,77% so với năm trước chủ yếu là khoản phải thu dài hạn năm nay tăng so với năm trước. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay tăng so với năm trước do hiệu quả sử dụng tài sản năm nay tốt hơn.

b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả giảm so với năm trước chủ yếu là khoản lương phải trả người lao động và tiền thuế phải trả phát sinh trong năm 2020. Các khoản nợ này được Công ty thanh toán trong năm 2020.

5. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

5.1. Tổ chức quản lý theo mục tiêu:

- Tiếp tục triển khai đồng bộ hệ thống KPIs tới các cấp giúp kiểm soát đồng bộ các chỉ tiêu của Công ty đặt ra từ đầu năm, đồng thời giúp các cấp quản lý có kế hoạch, biện pháp hành động nhằm đảm bảo mục tiêu cuối cùng.
- Tiếp tục áp dụng nêu gương điển hình xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh: định kỳ hàng quý lựa chọn các gương điển hình xuất sắc nhất trong số các tập thể xuất sắc của Công ty lên bảng danh dự, website Công ty và có chế độ thưởng xứng đáng đối với các cá nhân này.
- Kết hợp cùng hệ thống giao việc và đánh giá hiệu quả công việc là chính sách thưởng/phạt tiền lương áp dụng đối với cấp Trưởng phòng, Ban Giám đốc Chi nhánh, Trung tâm... với các tiêu chí cụ thể, rõ ràng... đã trở thành công cụ hữu ích để khuyến khích các cấp quản lý tổ chức điều hành hoạt động của đơn vị ngày một hiệu quả, giúp năng suất lao động bình quân năm 2020 tăng 12,07 % so với cùng kỳ năm 2019 và là năm thứ 5 liên tiếp đảm bảo mức độ tăng năng suất lao động bình quân từ 8% trở lên.

5.2. Công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

- Năm 2020, Công ty tập trung đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ Chủ nhiệm dự án, kinh doanh, Marketing, chăm sóc khách hàng nhằm mang đến cho khách hàng dịch vụ tư vấn uy tín, chất lượng, hiệu quả.

5.3. Công tác nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến:

- Tiếp nối thành công từ mục tiêu: “Đẩy mạnh Khoa học Công nghệ” từ năm 2017 của Tập đoàn nói chung và của EVNPECC3 nói riêng, năm 2020 EVNPECC3 vẫn tiếp tục duy trì các hoạt động nhằm mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý cũng như mang đến sự hài lòng cho khách hàng:
 - Thiết lập hệ thống mô hình dòng chảy bất kỳ (Integrated flood modelling, Riverine flooding, Urban flooding, Coastal flooding - Mike Flood); Tính toán & lập hệ thống mô hình dòng chảy 3 chiều (Hydrodynamic, Sediments, Water quality & Ecology, Performance & parallel computing - Mike 3); Tính toán thiết kế nhà máy điện tuabin khí & chu trình hỗn hợp – GT-Advanced; Tính toán năng lượng gió phục vụ thiết kế Nhà máy điện gió - WindPRO & WasP; Tính toán phát tán khí thải nhà máy nhiệt điện Breeze Aermod Pro...

- Chương trình mô phỏng động hệ thống điện mặt trời với hình ảnh 3D và phân tích chi tiết hệ thống quang điện với hệ thống lưu trữ - PV*SOL & Chương trình nghiên cứu hệ thống điện mặt trời – PVSYST. Quy hoạch nhà máy điện mặt trời Helios 2 & 3...
 - Và các phần mềm quản lý, như: E-Office, FMIS, HRMS của EVNICT.
 - Song song với việc ứng dụng và khai thác hiệu quả các phần mềm trong công tác quản lý và sản xuất, Công ty luôn chú trọng, tạo điều kiện và khuyến khích các cá nhân tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm dịch vụ tư vấn. Cụ thể trong năm 2020, Công ty đã hoàn thành 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Công ty và phát triển 02 đề tài, trên 30 sáng kiến cải tiến kỹ thuật được áp dụng vào quá trình sản xuất.
 - Công tác dịch vụ khách hàng: luôn được Công ty quan tâm và thực hiện tốt. Năm 2020 Công ty đã nghiên cứu và triển khai phần mềm quản lý khách hàng để công tác phục vụ khách hàng được ngày càng tốt hơn (CRM).
- Năm 2020, Công ty đã thực hiện trang bị thêm các phần mềm bản quyền cho các đơn vị theo Kế hoạch trang bị bản quyền phần mềm.
 - Các chương trình Quản lý công trình, DA của Công ty – PMS, Quản lý máy tính và các thiết bị tin học - ITM, E-Learning của phòng CNTT xây dựng vẫn đang được sử dụng hiệu quả và tiếp tục cập nhật nâng cao tính năng sử dụng.

5.4. Thực thi văn hóa doanh nghiệp và Quy tắc ứng xử:

Trong năm 2020, duy trì triển khai Văn hóa PECC3 và tập trung vào các hoạt động truyền thông, đào tạo nội bộ “Nâng cao nhận thức về Văn hóa PECC3 và tạo ra sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị”, chủ yếu tập trung vào 4 giá trị cốt lõi của PECC3.

5.5. Cải tiến hệ thống Quy chế, Quy trình, Quy định trong công tác quản lý:

- Công tác cải cách thủ tục hành chính của Công ty diễn ra phù hợp với xu thế chung của ngành, như: áp dụng chữ ký số; gửi các số liệu, các báo cáo...cho các bên liên quan bằng file; xử lý công việc qua email và các công cụ hỗ trợ của hệ thống mạng xã hội hiện đại...
- Hệ thống các Quy chế, Quy trình, Quy định... hiện hành của Công ty đảm bảo sự phù hợp và nhất quán, liên tục cải tiến để phù hợp với mục tiêu quản lý, sản xuất và phát triển Công ty. Hiện tại Công ty đang duy trì và áp dụng 02 hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, bao gồm tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 27001:2013.

5.6. Về công tác đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp và đào tạo nguồn nhân lực:

- Công tác cổ phần hóa, sắp xếp lại doanh nghiệp: Việc thoái vốn của EVN tại PECC3 đã được Hội đồng thành viên trình Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tạm dừng, do đó năm 2020 công việc này không triển khai tiếp.



- Công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Đào tạo nâng cao năng lực cho NLD là công việc thường xuyên, liên tục của Công ty.
- Năm 2020, Công ty tiếp tục đưa vào hệ thống chỉ tiêu học hỏi và phát triển là mục tiêu chính trong BSC của Công ty và các đơn vị. Các nội dung đào tạo đặc biệt chú trọng thực hiện năm 2020 bao gồm: đào tạo năng lực cho chủ nhiệm dự án theo chuẩn quốc tế (PMP); đào tạo về hoạch định và quản trị chiến lược cho đội ngũ cấp trung; đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ chăm sóc khách hàng; tiếp thị. Song song đó là các chương trình đào tạo, huấn luyện ngắn hạn khác được Công ty tổ chức thường xuyên nhằm bổ trợ thêm cho đội ngũ NLD những kiến thức và kỹ năng mới nhất. Ngoài ra, Công ty luôn phối hợp chặt chẽ với Ban Tổ chức & Nhân sự - EVN, cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo do EVN tổ chức như: Chương trình đào tạo cán bộ quản lý cấp 2,3; đào tạo chuyên gia hiệu chỉnh lò hơi; đào tạo chuyên gia; chương trình quản trị nhân sự hiện đại 4.0; kiểm soát viên chuẩn quốc tế.... Về thực hiện các chính sách liên quan tới người lao động: Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách chăm lo đến đời sống và lợi ích cho NLD cao hơn Luật định, như chính sách đào tạo, chính sách thu nhập, chính sách bảo hiểm, chế độ nghỉ mát, chế độ khám sức khỏe định kỳ, chế độ nghỉ dưỡng... Đặc biệt, với chính sách lương hiệu chỉnh mới từ tháng 7/2020, Công ty đã có những thay đổi nhằm chia sẻ và tiếp cận theo hướng có lợi nhất cho NLD.
- Công tác dịch vụ khách hàng: luôn được Công ty quan tâm và thực hiện tốt. Năm 2020, đội ngũ nhân sự làm công tác dịch vụ khách hàng cũng được tăng cường cả về số lượng và chất lượng thông qua các chương trình đào tạo chuyên ngành được thực hiện trong năm.
- Công tác an toàn trong lao động sản xuất: luôn được Công ty quan tâm và ưu tiên hàng đầu. Việc tổ chức tập huấn công tác an toàn, bảo hộ lao động kết hợp với việc kiểm tra thường xuyên đã giúp Công ty trong suốt năm 2020 không để xảy ra trường hợp mất an toàn.

5.7. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và cải thiện điều kiện làm việc cho NLD:

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLD, phân loại sức khỏe và lưu ý đối với các trường hợp NLD có vấn đề về sức khỏe.
- Tiếp tục duy trì nhà ăn tại Công ty, đảm bảo vệ sinh, an toàn và tiện lợi cho NLD vào giờ ăn trưa.
- Công tác an toàn lao động được đặc biệt quan tâm. Các loại bảo hiểm tai nạn, trách nhiệm nghề nghiệp cho người lao động được Công ty triển khai mua đầy đủ.
- Tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho tứ thân phụ mẫu của NLD bị đau ốm, tai nạn.

6. Kế hoạch phát triển trong tương lai

6.1. Mục tiêu năm 2021:

- Doanh thu đạt 430 tỷ, lợi nhuận trước thuế 25 tỷ.



- Quản lý khách hàng hiệu quả; Gia tăng sự hiện diện của thương hiệu PECC3.
- Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng và hệ thống An toàn thông tin. Tích hợp quy trình thực hiện dịch vụ mà PECC3 cung cấp.
- Đào tạo kỹ năng cho các nguồn lực nội bộ; Xây dựng văn hóa đáng tin trong Công ty; Xây dựng lộ trình chuyên đổi số.

6.2. Định hướng kế hoạch doanh thu năm 2021:

- Tận dụng cơ hội xu hướng đầu tư tư nhân vào lĩnh vực năng lượng tăng cao, đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu đối với những khách hàng tư nhân để từng bước giảm sự phụ thuộc quá lớn vào doanh thu từ Nhà nước. Duy trì tỷ lệ tăng trưởng doanh thu từ khách hàng Nhà nước, đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu từ Tư nhân.
- Xúc tiến các hợp đồng tiềm năng với Khách hàng Tư nhân hiện có, đồng thời quảng bá, tìm kiếm, tiếp cận và quản lý mối quan hệ với các Khách hàng tư nhân tiềm năng. Quản lý hiệu quả chi phí mang lại sự gia tăng lợi nhuận cho Công ty cũng như thúc đẩy sự đầu tư vào các hoạt động mang lại giá trị cao. Tỷ lệ lợi nhuận/doanh thu $\geq 5\%$.
- Xác định và quản lý danh sách các Khách hàng tư nhân tiềm năng (có thể mang lại doanh thu). Đồng thời, quản lý các mối quan hệ với các cá nhân, cơ quan có ảnh hưởng đến việc ra quyết định của Khách hàng tiềm năng trong việc lựa chọn tư vấn.
- Gia tăng sự hiện diện của thương hiệu PECC3 đến các khách hàng tiềm năng và các bên liên quan. Việc nâng cao chất lượng sẽ giúp PECC3 phát triển bền vững năng lực cốt lõi của Công ty.
- Tiến hành việc đánh giá cơ hội ở thị trường công nghiệp và cơ sở hạ tầng. Đưa ra danh mục nghiên cứu và phát triển sản phẩm, đưa ra kế hoạch tiếp cận khách hàng và bán sản phẩm, đưa ra kế hoạch rút lui khỏi thị trường nếu không khả thi.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo để phát triển năng lực của các nhân lực chủ chốt, tập trung vào năng lực các Chủ nhiệm dự án.
- Việc xây dựng văn hóa đáng tin trong phạm vi cá nhân, đội nhóm, phòng ban và Công ty sẽ mang lại sự hài lòng, gắn kết của nhân viên cũng như ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc xây dựng thương hiệu uy tín.

6.3. Các giải pháp thực hiện

6.3.1. Doanh thu đạt 430 tỷ, lợi nhuận đạt 25 tỷ:

- Với tình hình kinh tế như hiện nay, với chỉ tiêu doanh thu như trên, cần có giải pháp đảm bảo tiến độ và doanh số nghiệm thu đồng thời thúc đẩy nghiệm thu sớm các dự án ngoài danh sách nêu trên có khả năng nghiệm thu và triển khai tìm kiếm các dự án mới để có thể đảm bảo được doanh thu đặt ra.
- Xúc tiến các hợp đồng tiềm năng với Khách hàng Tư nhân hiện có, đồng thời quảng bá, tìm kiếm, tiếp cận và quản lý mối quan hệ với các Khách hàng tư nhân tiềm năng.



- Tăng cường công tác quan hệ khách hàng, tìm kiếm và phân tích thông tin để tiếp cận được nhiều khách hàng, chào hàng và xúc tiến hợp đồng tư vấn. Đẩy mạnh các hoạt động marketing phù hợp và linh hoạt theo định hướng khách hàng. Xúc tiến chào giá ít nhất 1 dự án EPC lưới điện để ký hợp đồng triển khai thực hiện.
- Thu thập và phân tích thông tin tài chính, dự đoán nhu cầu và đưa ra các giải pháp tối ưu liên quan đến mục tiêu kinh doanh, đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển, tối đa hóa doanh thu, tối đa hóa lợi nhuận và đảm bảo lợi ích hài hòa cho cổ đông và người lao động.

6.3.2. Đầu tư góp vốn:

- Kế hoạch góp vốn vào Công ty phong điện Thuận Bình (TBW) năm 2021 là 22,5 tỷ đồng.

6.3.3. Mua sắm tài sản cố định:

- Kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2021 là: 6 tỷ đồng.

6.3.4. Quản lý khách hàng hiệu quả, Gia tăng sự hiện diện của thương hiệu PECC3:

- Chăm sóc khách hàng và tìm hiểu khách hàng đánh giá các sản phẩm tốt nhất của PECC3.
- Rà soát và thiết kế lại bộ nhận diện thương hiệu hiện có, kết nối với các nhà tổ chức sự kiện, lên kế hoạch tham gia trình bày của các kỹ sư/chuyên gia. Lập danh sách các Nhà đầu tư tư nhân các dự án Nguồn điện tại Việt Nam và lên kế hoạch gặp gỡ và giới thiệu.

6.3.5. Hoàn thành quy trình thực hiện dịch vụ mà PECC3 cung cấp; Đánh giá cơ hội ở thị trường Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng:

- Hoàn thành quy trình thực hiện dịch vụ (quy trình sản xuất) cho tất cả các dịch vụ mà PECC3 cung cấp.
- Hoàn thành quy trình tiếp nhận phản hồi của các bộ phận: Thực hiện dịch vụ, Tiếp thị và Bán hàng từ bộ phận Chăm sóc Khách hàng.
- Xây dựng quy trình và đào tạo đội ngũ Chăm sóc Khách hàng.
- Thực hiện tốt công tác truyền thông đến toàn thể CBCNV về các mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch sản xuất năm 2021.

6.3.6. Đào tạo kỹ năng cho các nguồn lực nội bộ, Xây dựng văn hóa đáng tin trong phạm vi cá nhân, đội nhóm, phòng ban và Công ty:

- Xây dựng niềm tin trong tổ chức, nâng cao tinh thần trách nhiệm, không đổ lỗi, chủ động trong công việc, hợp tác tốt giữa các cá nhân và đơn vị trên tinh thần chính trực, tin cậy, chuyên nghiệp, sáng tạo, hiệu quả, học hỏi phát triển, đoàn kết hợp tác và thân thiện. Thông qua các hoạt động phối hợp với nhóm VHDN như sau:
 - Tháng 2/2021: Gặp mặt đầu xuân và kỷ niệm ngày thành lập Công ty, Công ty đã tổ chức cuộc thi tìm hiểu về Văn hóa đáng tin.



- Các quý tiếp tục lựa chọn các hành vi trong các mối quan hệ để triển khai truyền thông và thực hành thông qua các trò chơi trong đào tạo.
 - Đối thoại giữa lãnh đạo Công ty và Tầm nhìn, sứ mệnh và 4 giá trị cốt lõi trong văn hóa của PECC3. Tổ chức sự kiện Teambuilding để truyền thông các giá trị từ 13 hành vi trong các mối quan hệ và 4 yếu tố cốt lõi của niềm tin vào bản thân.
- Phối hợp với Tư vấn nhân sự, rà soát lại khung năng lực của các vị trí theo Từ điển năng lực, đưa ra và thực hiện kế hoạch đào tạo về kiến thức và kỹ năng đồng thời, áp dụng trực tiếp vào các dự án đang thực hiện.
 - Đẩy mạnh và thường xuyên đào tạo về văn hóa doanh nghiệp, đưa những tấm gương điển hình tiên tiến cụ thể để xúc tiến phát triển văn hóa hợp tác tạo sức mạnh.

7. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):

Công ty kiểm toán đã chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

8. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải):
Công ty đã có những chỉ đạo và quyết sách phù hợp, đáp ứng tốt các quy định của pháp luật và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường, xã hội.
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:
Hàng quý công ty đều có tổ chức các cuộc họp đối thoại với người lao động, hàng năm công ty tổ chức hội nghị người lao động để từ đó lắng nghe và giải quyết các yêu cầu và kiến nghị chính đáng của người lao động. Công ty cũng đã luôn có những cải tiến về chính sách tiền lương, các quy định về phúc lợi xã hội nhằm đáp ứng cao nhất đời sống vật chất, tinh thần cho Người lao động.
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:
Công ty đã hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Năm 2015 Công ty đã được nhận bằng khen của quận đội quận 3 thành phố Hồ Chí Minh vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác an ninh quốc phòng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2020 là năm hoạt động thứ 12 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 với những điều kiện thuận lợi và khó khăn như sau:

- a) Thuận lợi:

- Năm 2020 là năm Công ty kế thừa những thành công của năm 2019, nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho những hoạt động sản xuất và kinh doanh cũng như tinh thần lao động của toàn thể người lao động trong Công ty.
 - Ban điều hành luôn đoàn kết, có đủ năng lực, tinh thần trách nhiệm cao, luôn hết lòng vì quyền lợi của Công ty. Đồng thời Công ty có đội ngũ cán bộ, kỹ sư giàu kinh nghiệm và nhiệt tình công tác, nhờ đó đã tạo nên động lực quan trọng góp phần tích cực vào việc hoàn thành các dự án.
- b) Khó khăn:
- Các khó khăn về kinh tế toàn cầu nói chung và Việt nam nói riêng đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhiều dự án đang được tiến hành nhưng do thiếu vốn nên bị dừng lại hoặc giảm tiến độ đầu tư làm ảnh hưởng đến công tác khảo sát, thiết kế của Công ty..
 - Sự cạnh tranh quyết liệt của nền kinh tế thị trường và của các công ty tư vấn trong ngành điện cũng là một thách thức to lớn đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của Lãnh đạo cũng như toàn thể NLD trong công ty.
- 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:**
- a) Đặc điểm của Ban điều hành Công ty là tất cả các thành viên trong Ban điều hành đều năng động, giỏi chuyên môn, nhiệt tình trong công việc, không ngại khó, dám nghĩ dám làm, và đặc biệt là đoàn kết nội bộ cao đã là nền tảng của các kết quả trong năm 2020.
 - b) Ban điều hành đã duy trì các cuộc họp tiến độ với nội dung đi vào chiều sâu, vào chất lượng và tiến độ của từng dự án nên đã đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng từ đó góp phần quan trọng vào việc đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho Người lao động.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

a) Kế hoạch công tác:

HĐQT chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành Công ty để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính, với các chỉ tiêu mà ĐHCĐ sẽ thông qua trong kỳ Đại hội dự kiến sẽ được tổ chức vào cuối tháng 4 năm 2021.

b) Các hoạt động khác:



Giải quyết và ban hành kịp thời các chính sách, quy định trong các lĩnh vực mới phát sinh nhằm đáp ứng tốt công tác quản lý của Công ty.

c) Biện pháp thực hiện:

Duy trì các hoạt động của HĐQT và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trong việc quản lý Công ty.

Hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành cũng như tìm kiếm thêm việc làm cho công ty bằng cách ban hành kịp thời các quy chế, quy định về quản lý để áp dụng trong Công ty

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra và nhắc nhở Ban điều hành để công tác quản lý đạt hiệu quả cao nhất.

V. Quản trị công ty .

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Ông Thái Tuấn Tài - Chủ tịch HĐQT

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1962;

Nơi sinh: 870 Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP Hồ Chí Minh;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật; chuyên ngành điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1987: Tốt nghiệp Kỹ sư điện, chuyên ngành Điện khí hóa và Tự động hóa khai thác mỏ tại trường Đại học Mỏ Mátxcova.

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện chính trị, hành chính tại thành phố HCM.

Quá trình công tác: 30 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2003 đến 12/2007: Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 4/2003: Trưởng phòng Thiết kế trạm Công ty Tư vấn XD điện 3;

Từ 1997 đến 1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

Từ 1988 đến 1997: Nhân viên Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

**- Ông Tôn Thất Hùng: Thành viên HĐQT**

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1961;

Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành hệ thống điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1983: Tốt nghiệp Kỹ sư Điện - Đại học Bách khoa Đà Nẵng;

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Đà Nẵng.

Năm 2008: Tốt nghiệp Cao học Quản trị kinh doanh tại Đại học Bách khoa Hà Nội

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện chính trị, hành chính tại thành phố HCM

Quá trình công tác: 33 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2008 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 3/1999 đến 12/2007: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế miền Trung Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1992 đến 3/1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

Từ 1983 đến 1992: Nhân viên phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

- Ông Nguyễn Phú Gia: Thành viên HĐQT

Sinh ngày: 20 tháng 02 năm 1955;

Nơi sinh: Hà Nội;

Học vị: Tiến sĩ - Nhiệt lò hơi.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1979: Tốt nghiệp Kỹ ngành máy và kỹ thuật điện đại học luyện kim Tiệp Khắc;

Năm 1983: Tốt nghiệp Tiến sĩ ngành thiết bị năng lượng tại Tiệp Khắc .

Năm 1983-1988: Trung tâm thí nghiệm điện Hà Nội;

Quá trình công tác:



Từ 2015 đến nay: Cán bộ hưu trí, Ủy viên HĐQT, Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2002 - 2015 : Phó Ban thẩm định Tập đoàn - EVN;

Từ 1997- 2002 : Ban thẩm định Tập đoàn - EVN;

Từ 1996 đến 1997: Phó phòng nhiệt điện - Viện Năng lượng;

Từ 1988 đến 1996: phòng nhiệt điện - Viện Năng lượng;

Từ 1983 đến 1988: Trung tâm thí nghiệm điện Hà Nội.

- **Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn: Thành viên HĐQT**

Sinh ngày: 18 tháng 10 năm 1973;

Nơi sinh: Đà Nẵng;

Học vị: Thạc sỹ Hệ thống điện

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Quá trình công tác:

Từ 01/2015 đến nay: Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện và điện hạt nhân – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Từ 08/2014 – 12/2014 : Phó Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện và điện hạt nhân – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Từ 07/2013 – 07/2014 : Trưởng phòng Nhiệt điện và điện hạt nhân – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 02/2009 – 06/2013 : Trưởng phòng Dự án nguồn – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 11/2006 – 01/2009 : Phó Trưởng phòng Dự án nguồn – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 04/2002 – 11/2006 : Kỹ sư phòng Dự án nguồn – Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 01/2000 – 03/2002 : Kỹ sư phòng Dự án lưới – Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 07/1996 – 12/1999 : Kỹ sư phòng Hợp tác quốc tế – Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh.

- **Ông Nguyễn Ngọc Kế: Thành viên độc lập HĐQT**

Sinh ngày: 08 tháng 8 năm 1948;

Nơi sinh: Bình Định;

Học vị: Kỹ sư điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1974: Tốt nghiệp Đại học Kỹ thuật Slovakia, Tiệp Khắc ngành Điện kỹ thuật mạnh - sản xuất, điều khiển và sử dụng năng lượng điện;

Quá trình công tác:

Từ 2019 đến nay, Ủy viên HĐQT, Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2008: nghỉ hưu, làm Chuyên gia tại Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2002 đến 2007: Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 2002: Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1993 đến 1999: Phó Giám đốc Trung tâm Năng lượng;

Từ 1986 đến 1993: Trung tâm Năng lượng, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam.

Từ 1976 đến 1986: Công ty Điện lực miền Nam.

Từ 1975 đến 1976: Xí nghiệp xây lắp điện 2 – Công ty xây lắp điện 2.

- Danh sách và cổ phần của các thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Số cổ phiếu đại diện
1	Ông Thái Tuấn Tài	CT. HĐQT	48.176	1.614.854 (19,51% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
2	Ông Tôn Thất Hùng	UV. HĐQT	21.573	1.211.140 (14,63% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
3	Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	UV. HĐQT	4.503	1.211.140 (14,63% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
4	Ông Nguyễn Ngọc Kế	UV. HĐQT	12.976	
5		UV. HĐQT	16.347	



Ông Nguyễn Phú Gia			
--------------------	--	--	--

- Ông Nguyễn Văn Long, Chánh Văn Phòng Công ty được Hội đồng quản trị bầu làm kiêm nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty, đồng thời được ủy quyền là người công bố thông tin.

+ ĐT: 0963 911 865

+ Email: longnv@pecc3.com.vn

- b) Các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị: Không có các tiêu bản thuộc HĐQT.

- c) Hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban Tổng Giám đốc

Mỗi hai tuần một lần đại diện của HĐQT đều tham dự cuộc họp giao ban sản xuất do Tổng Giám đốc chủ trì với sự tham dự của các trưởng đơn vị và Giám đốc các Chi nhánh. Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị đều quan tâm và có các hoạt động kiểm tra, giám sát, đặc biệt đối với các dự án lớn hoặc có tiến độ thực hiện khẩn trương.

- d) Tỷ lệ tham dự các cuộc họp của các TV HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV.HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch HĐQT	Là Ủy viên HĐQT từ ngày 27/04/2012	08	100%	
2	Ông Tôn Thất Hùng	Ủy viên HĐQT	Là Ủy viên HĐQT từ ngày 27/04/2012	08	100%	
3	Ông Nguyễn Phú Gia	Ủy viên HĐQT	Là Ủy viên HĐQT từ ngày 27/04/2012	08	100%	
4	Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Ủy viên HĐQT	Là Ủy viên HĐQT từ 21/04/2017	08	100%	
5	Ông Nguyễn Ngọc kế	Ủy viên HĐQT	Là Ủy viên HĐQT từ 27/03/2020	08	100%	

e) Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua
1	0002/NQ-HĐQT (Họp HĐQT thường kỳ quý I năm 2020)	03/01/2020	<p>Điều 1. Kết quả SXKD năm 2019: Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua sau khi có báo cáo kiểm toán.</p> <p>Điều 2. Kế hoạch SXKD năm 2020: Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Điều 3. Thông qua đơn giá tiền lương năm 2020</p> <p>Điều 4. Thống nhất việc thành lập Ban EPC trực thuộc Công ty. Giao cho Tổng Giám đốc bổ nhiệm Trưởng Ban.</p> <p>Điều 5. Thống nhất đề cử ông Nguyễn Ngọc Kế sinh ngày 08 tháng 08 năm 1948, Chứng minh nhân dân số 020030618 cấp ngày 08/04/2005 là ứng viên để trình ĐHĐCĐ bầu làm thành viên HĐQT Công ty.</p> <p>Điều 6. Công ty dự kiến sẽ tổ chức họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào cuối tháng 3 năm 2020.</p>	100%
2	0012/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	14/01/2020	<p>Điều 1. Tái bổ nhiệm ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn tiếp tục giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện và Năng lượng mới từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm.</p> <p>Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ban hành. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này./.</p>	100%
3	0051/NQ-HĐQT (Họp HĐQT	26/03/2020	<p>Điều 1. Thông qua quyết toán quỹ tiền lương năm 2019.</p>	100%



	thường thường kỳ quý 2)		<p>Điều 2. Cử ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn, Thành viên HĐQT, Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện và Năng lượng mới thực hiện chức trách nhiệm vụ của Tổng Giám đốc kể từ ngày Công ty hoàn thành việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật và/hoặc hoàn tất thủ tục để điều hành Công ty.</p> <p>Điều 3. Đề cử ông NGUYỄN NGỌC KẾ, CMND số 020030618 cấp ngày 08/04/2005 tham gia ứng cử việc bầu bổ sung Thành viên HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020. Thông qua chương trình, các báo cáo và các tờ trình gửi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.</p>	
4	0086/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	12/06/2020	<p>Điều 1. HĐQT quyết định chọn Công ty TNHH dịch vụ kiểm toán và tư vấn UHY ACA là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2020.</p> <p>Điều 2. HĐQT giao cho Tổng Giám đốc tổ chức đàm phán và ký kết hợp đồng với Công ty TNHH dịch vụ kiểm toán và tư vấn UHY ACA với điều kiện giá không được vượt giá đề xuất của Ban kiểm soát.</p>	100%
5	0096/NQ-HĐQT (Họp HĐQT thường thường kỳ quý 3)	14/07/2020	<p>Điều 1. ghi nhận kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2020 và công tác triển khai nhiệm vụ SXKD 6 tháng cuối năm 2020.</p> <p>Điều 2. Giao Tổng Giám đốc ban hành / sửa đổi một số các quy chế quản lý nội bộ Công ty.</p> <p>Điều 3. Bổ sung, hiệu chỉnh một số điều của Quy chế quản lý tài chính.</p> <p>Điều 4. Bổ sung, hiệu chỉnh một số điều của Quy chế lương.</p> <p>Điều 5. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện việc vay nợ, các khoản thế chấp bảo đảm, bảo lãnh với giá trị nhỏ hơn 35% giá trị tài sản doanh nghiệp.</p> <p>Điều 6. Thông qua việc duyệt bổ sung giá trị công việc đối với chi nhánh</p>	100%



			trực thuộc. Điều 7. Thay đổi và bổ sung các hạng mục mua sắm tài sản năm 2020.	
6	0117/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	26/08/2020	Điều 1. Thông qua quy chế lương, thù lao, tiền thưởng cho người quản lý	100%
7	0125/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	04/09/2020	Điều 1. Thông qua việc EVNPECC3 góp vốn vào công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình (TBW) theo phương án tăng vốn điều lệ của TBW	100%
8	0139/NQ-HĐQT (Họp HĐQT thường thường kỳ quý 4)	12/10/2020	Điều 1. Ghi nhận kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2020 và công tác triển khai nhiệm vụ SXKD 3 tháng cuối năm 2020. Điều 2. Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Trung tâm ND&NLM đối với ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2020. Bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Phụ trách Trung tâm ND&NLM đối với ông Phan Bách Khoa kể từ 15 tháng 10 năm 2020. Điều 3. Trong kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2020, bổ sung mua hệ thống máy điều hòa không khí cho Chi nhánh XNKS & XDD. Điều chỉnh giá trị đầu tư tài chính.	100%

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- Ông Thái Tuấn Tài - Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Tôn Thất Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

TT	Họ & Tên	Chức vụ	Số CMND	Đ/chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ



1	Trương Thị Anh Đào	Trưởng BKS	024654756	A2-07-05 Khu Căn Hộ Giai Việt số 856 Tạ Quang Bửu, Quận 8, TP.HCM	2.757	0,033%
2	Nguyễn Minh Hiếu	Thành viên BKS	012212614	P512, L1, 93 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	0	0
4	Nguyễn Văn Thiện	Thành viên BKS	024865465	14/12/2 Đường 24, Phường Linh Đông, Quận Thủ Đức, TP.HCM		

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ chặt chẽ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Công tác triển khai giám sát, kiểm soát theo kế hoạch của năm 2020 đã được đại hội cổ đông thông qua.

Trong năm 2020, ban kiểm soát đã thực hiện kiểm soát trực tiếp tại Công ty và Chi nhánh của Công ty với một số nội dung chính, bao gồm:

- Thực hiện theo dõi, giám sát hoạt động điều hành và thực hiện sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020.
- Theo dõi kiểm tra việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được Đại hội cổ đông thường niên thông qua ngày 27-03-2020.
- Theo dõi tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số buổi họp của ban lãnh đạo triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch theo quý 1, 6 tháng và cả năm 2020. Giám sát



việc triển khai các nghị quyết của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành.

- Thực hiện kiểm soát công tác tài chính kế toán, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý tài sản, công cụ dụng cụ và công nợ trong quá trình hoạt động. Tiến hành thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm sau khi kiểm toán độc lập đã thực hiện.
- Đã đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 bao gồm giai đoạn soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2020 và báo cáo tài chính cả năm 2020.
- Triển khai thực hiện các 02 đợt kiểm soát trực tiếp tại Công ty cụ thể:
 - + Từ ngày 11/3 đến ngày 13/3/2020 : Kiểm tra, kiểm soát trực tiếp tại Công ty các nội dung sau: Thẩm định báo cáo tài chính của năm 2019 thông qua kiểm tra chứng từ sổ sách. Xem xét tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2020. Đánh giá tình hình quản lý điều hành sản xuất kinh doanh năm 2020 và các nội dung liên quan đến hoạt động sản xuất.
 - + Từ ngày 8/9 đến ngày 10/9/2020: Kiểm tra, kiểm soát báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 của Chi nhánh Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 – Xí nghiệp khảo sát & xây dựng điện tại Hồ Chí Minh: Kiểm tra việc thực hiện sản xuất, xem xét công tác tài chính 6 tháng đầu năm 2020 và các nội dung khác như tính hình công nợ phải thu, phải trả trong 6 tháng đầu năm 2020 và các hoạt động theo phân cấp của Chi nhánh.

Sau các đợt kiểm soát đều có biên bản làm việc của Ban kiểm soát ghi nhận tình hình hoạt động của Công và các ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát.

c) Các biên bản làm việc của Ban Kiểm soát

1	Biên bản	Ngày	Nội dung
1	Biên bản làm việc giữa BKS và Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3	13/03/2020	+ Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị năm 2019. + Đánh giá tình hình quản lý, điều hành



			<p>sản xuất kinh doanh năm 2019.</p> <p>+ Thẩm định báo cáo tài chính kế toán năm 2019.</p> <p>+ Một số nội dung : Thu nhập của HĐQT và BKS năm 2019, tình hình đầu tư xây dựng, đầu tư tài chính phù hợp theo luật và điều lệ của Công.</p>
2	Biên bản làm việc giữa BKS và Chi nhánh Xí nghiệp khảo sát & xây dựng điện	10/9/2020	<p>+ Kiểm soát, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020.</p> <p>+ Xem xét công tác tài chính kế toán 6 tháng đầu năm 2020</p> <p>+ Các nội dung khác như : tình hình công nợ phải thu phải trả 6 tháng đầu năm 2020 ; phân phối tiền lương ; hợp đồng thuê ngoài ; chi tiêu nội bộ ; đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản và công cụ dụng cụ,... các hoạt động theo phân cấp.</p>

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thù lao, tiền thưởng, các khoản lợi ích:

- Hội đồng quản trị:

- Ông Thái Tuấn Tài – Chủ tịch HĐQT: 554.520.000 đồng
- Ông Tôn Thất Hùng – UVHĐQT kiêm Phó TGD: 442.300.000 đồng
- Ông Nguyễn Phú Gia – UV HĐQT: 134.280.000 đồng
- Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn – UV HĐQT kiêm TGD:(Được bỏ nhiệm TGD từ tháng 04/2020): 391.050.000 đồng
- Ông Nguyễn Ngọc Kế - UV HĐQT: 54.000.000 đồng

- Ban Tổng giám đốc:

- Ông Nguyễn Trí Trinh – Phó Tổng giám đốc: 1.051.895.854 đồng
- Ông Trần Lê Minh – Phó Tổng giám đốc: 1.066.640.727 đồng
- Ông Nguyễn Duy Bình – Phó Tổng giám đốc: 674.611.364 đồng



- Ban Kiểm soát:

- Bà Trương Thị Anh Đào – Trưởng Ban kiểm soát: 432.980.000 đồng
 - Bà Nguyễn Minh Hiếu – Thành viên Ban kiểm soát: 97.370.000 đồng
 - Ông Nguyễn Văn Thiện – Thành viên Ban kiểm soát: 537.197.780 đồng
- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Ông Thái Tuấn Tài – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty trong năm 2020 đã mua 263.824 cổ phiếu trong khoảng thời gian từ 25/04/2020 đến 18/05/2020.
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có giao dịch

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		202.306.935.898	236.791.822.472
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	73.721.708.136	93.001.091.226
Tiền	111		49.721.708.136	41.001.091.226
Các khoản tương đương tiền	112		24.000.000.000	52.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	220.790.000	220.790.000
Chứng khoán kinh doanh	121		220.790.000	220.790.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		107.741.937.407	123.671.770.233
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	117.899.150.431	129.597.447.342
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.907.731.862	2.041.291.800
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.931.805.891	6.894.756.577
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(14.996.750.777)	(14.861.725.486)
Hàng tồn kho	140	10	19.923.494.425	19.733.301.032
Hàng tồn kho	141		19.923.494.425	19.733.301.032
Tài sản ngắn hạn khác	150		699.005.930	164.869.981
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	699.005.930	164.869.981
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		116.572.921.217	76.542.595.773
Các khoản phải thu dài hạn	210		54.253.398.451	23.427.599.485
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	53.736.398.451	23.274.599.485
Phải thu dài hạn khác	216	8	517.000.000	153.000.000
Tài sản cố định	220		27.623.364.815	31.312.151.863
Tài sản cố định hữu hình	221	12	17.536.908.905	19.470.573.019
- Nguyên giá	222		56.429.519.365	52.234.120.222
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.892.610.460)	(32.763.547.203)
Tài sản cố định vô hình	227	13	10.086.455.910	11.841.578.844
- Nguyên giá	228		20.850.196.776	19.816.984.776
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.763.740.866)	(7.975.405.932)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	29.991.916.461	18.985.855.750
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		31.130.855.750	19.930.855.750
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.138.939.289)	(945.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		4.704.241.490	2.816.988.675
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	4.548.944.138	2.816.988.675
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	155.297.352	-
TỔNG TÀI SẢN	270		318.879.857.115	313.334.418.245

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		203.224.617.494	204.881.794.569
Nợ ngắn hạn	310		203.224.617.494	204.881.794.569
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	17.929.392.843	5.195.259.950
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		42.692.523.840	39.409.360.439
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	4.263.963.006	16.681.681.597
Phải trả người lao động	314		108.842.637.495	109.230.393.386
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	5.051.077.384	6.041.072.280
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	22.622.589.819	16.672.857.234
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	-	10.696.036.576
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.822.433.107	955.133.107
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		115.655.239.621	108.452.623.676
Vốn chủ sở hữu	410	20	115.655.239.621	108.452.623.676
Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.760.800.000	82.760.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>82.760.800.000</i>	<i>82.760.800.000</i>
Cổ phiếu quỹ	415		(140.000)	(140.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		13.186.000.000	7.827.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.708.579.621	17.864.963.676
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>88.684.476</i>	<i>946.050.703</i>
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>421b</i>		<i>19.619.895.145</i>	<i>16.918.912.973</i>
TỔNG NGUỒN VỐN	440		318.879.857.115	313.334.418.245

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	408.938.167.809	388.748.715.204
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	5.238.016.187	965.430.425
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp	10		403.700.151.622	387.783.284.779
Giá vốn hàng bán	11	24	300.478.995.498	274.088.901.741
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		103.221.156.124	113.694.383.038
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	4.173.673.985	3.822.213.481
Chi phí tài chính	22	26	396.981.851	548.213.978
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	27	29.245.151.037	25.149.364.048
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	53.989.911.954	67.184.554.672
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.762.785.267	24.634.463.821
Thu nhập khác	31	28	1.329.395.431	454.590.909
Chi phí khác	32	29	740.557.787	2.076.995.882
Lợi nhuận khác	40		588.837.644	(1.622.404.973)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.351.622.911	23.012.058.848
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	4.887.025.118	6.093.145.875
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	(155.297.352)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.619.895.145	16.918.912.973
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.056	1.744
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	2.056	1.744

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		24.351.622.911	23.012.058.848
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.974.600.191	4.908.116.820
Các khoản dự phòng	03		328.964.580	2.781.393.981
Lỗi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		183.265.845	110.947.545
Lãi hoạt động đầu tư	05		(4.227.447.695)	(3.681.645.834)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		30.611.005.832	27.130.871.360
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(15.194.177.542)	(24.427.466.584)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(190.193.393)	8.381.256.188
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		10.100.183.010	16.117.300.136
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(2.266.091.412)	26.893.252
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.545.136.903)	(6.213.310.942)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		4.000.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.622.700.000)	(2.402.570.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.896.889.592	18.612.973.410
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.718.886.467)	(6.974.562.607)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		115.454.545	50.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(11.200.000.000)	(258.423.750)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.275.179.261	3.524.243.056
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.528.252.661)	(3.658.743.301)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		14.869.592.768	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(25.565.629.344)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.768.717.600)	(8.223.319.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.464.754.176)	(8.223.319.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(19.096.117.245)	6.730.910.209
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	93.001.091.226	86.295.430.029
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(183.265.845)	(25.249.012)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	73.721.708.136	93.001.091.226

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên tiếng Anh là Power Engineering Consulting Joint Stock Company 3, viết tắt là PECC3, được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 3, doanh nghiệp nhà nước thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0301475102, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22/04/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 là 82.760.800.000 đồng, chia thành 8.276.080 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 01 tháng 12 năm 2009, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là: TV3.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ xây dựng công trình điện và công trình dân dụng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kiểm định chất lượng xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng;
- Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính;
- Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực;
- Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy-nhiệt điện-nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt); dự án đường dây tải điện và trạm biến áp;
- Lập tổng dự toán công trình, Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng;
- Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng;

- Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình;
- Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình. Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp. Giám sát công tác phần điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp;
- Tư vấn quản lý dự án. Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thẩm tra thiết kế công trình;
- Tư vấn lập hồ sơ: đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu-đường bộ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm định chất lượng công trình. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)/.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình xây dựng điện. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty thông thường phụ thuộc theo tiến độ chung của dự án, các công trình có thể kéo dài trong 1 năm hoặc hơn.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình xây dựng điện.

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các Công ty trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam, theo đó, số lượng khách hàng phụ thuộc vào chất lượng và trình độ của các kỹ sư nhằm giúp tăng năng lực cạnh tranh so với các công ty trong cùng ngành. Bên cạnh đó, vấn đề về đầu tư phát triển mở rộng và nâng cấp các công trình điện cũng như việc Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty không có công ty con, công ty liên kết liên doanh.

Công ty có các chi nhánh và đơn vị phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
-Chi Nhánh Miền Trung	Đường 23/10 KDC Tây Cầu Dứa, xã Vĩnh Hiệp, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Tư Vấn, khảo sát thiết kế
-Xí nghiệp Khảo Sát và Xây dựng Điện	32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Tư Vấn, khảo sát thiết kế

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) và Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

Tuyên bố về tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính, và thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc kế toán tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Công ty trích lập dự phòng đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (đến 12 tháng hay trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư góp vốn với mục đích nắm giữ lâu dài. Giá phí các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ theo Báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi khoản dự phòng phải thu khó đòi và được phân loại trên bảng cân đối kế toán theo thời hạn thanh toán ước tính, phụ thuộc vào thời điểm phê duyệt kỹ thuật hồ sơ thiết kế.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất

các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45 và Thông tư số 28/2017/TT-TC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45 và Thông tư số 147.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Từ năm 2020, Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh không quá 02 lần mức khấu hao theo phương pháp đường thẳng đối với các tài sản cố định là Nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị, dụng cụ quản lý của Công ty. Theo đó, chi phí khấu hao trong năm 2020 tăng thêm so với khi không khấu hao nhanh là 4.566.821.275 đồng.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty và phần mềm máy vi tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không trích khấu hao. Phần mềm quản lý được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác thể hiện chi phí chênh lệch khi xác định giá trị doanh nghiệp, chi phí phần mềm máy tính,...các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

Ngoại tệ

Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong các giao dịch kế toán là tỷ giá của các Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn và Ngân hàng TMCP An Bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của các ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối kỳ kế toán được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối kỳ kế toán. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và trích trước theo đúng kỳ kế toán.

Việc ước tính khối lượng công việc làm cơ sở ghi nhận doanh thu căn cứ vào biên bản nghiệm thu, quyết toán từng đợt với Chủ đầu tư, Giám sát công trình. Do đó, giá vốn dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế được kết chuyển theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành tương ứng với doanh thu đã ghi nhận.

Nguyên tắc kế toán thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là tư vấn khảo sát thiết kế, theo đó, toàn bộ doanh thu phát sinh trong năm của Công ty là doanh thu liên quan đến hoạt động này. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Phần lớn hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các Công ty trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Công ty con và Công ty liên kết do Tập đoàn Điện lực Việt Nam đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
Tiền mặt	152.748.617	456.828.097
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	49.568.959.519	40.544.263.129
Các khoản tương đương tiền (*)	24.000.000.000	52.000.000.000
Cộng	73.721.708.136	93.001.091.226

(*) Là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 03 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2020			Tại 01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
a) Chứng khoán kinh doanh	220.790.000	1.056.904.200	-	220.790.000	1.012.195.800	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung (1)	220.790.000	1.056.904.200	-	220.790.000	1.012.195.800	-
	Tại 31/12/2020			Tại 01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31.130.855.750	30.054.916.461	(1.138.939.289)	19.930.855.750	18.985.855.750	(945.000.000)
- Đầu tư vào đơn vị khác	31.130.855.750	30.054.916.461	(1.138.939.289)	19.930.855.750	18.985.855.750	(945.000.000)
+ Đầu tư vào Công ty CP EVN Quốc Tế (2)	3.150.000.000	3.213.000.000	-	3.150.000.000	2.205.000.000	(945.000.000)
+ Đầu tư vào Công ty CP Phong Điện Thuận Bình (3)	27.500.000.000	26.597.759.587	(902.240.413)	16.300.000.000	16.300.000.000	-
+ Công ty TNHH Điện gió Sunpro Bến Tre số 8 (4)	480.855.750	244.156.874	(236.698.876)	480.855.750	480.855.750	-

- (1) Là khoản đầu tư vào cổ phiếu được niêm yết trên sàn HOSE với số lượng là 53.379 cổ phiếu. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn HOSE tại ngày 31/12/2020.
- (2) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế với số lượng cổ phiếu sở hữu là 315.000 cổ phiếu và tỷ lệ góp là 0,86% vốn điều lệ.
- (3) Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình có vốn điều lệ 240 tỷ đồng. Công ty sẽ góp 10% vốn điều lệ. Vốn góp vào Công ty CP Phong Điện Thuận Bình được góp theo từng đợt. Đến ngày 31/12/2020, Công ty đã góp 27,5 tỷ đồng trong tổng số vốn các bên đã góp là 268 tỷ đồng, tương đương 10,26%.
- (4) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH Điện gió Sunpro - Bến Tre số 8, theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 06/06/2018 với tổng vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng, trong đó Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3 góp 2.000.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 10%, phần còn lại 90% là Sunpro Capital Group Limited. Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2020 để xác định giá trị của khoản đầu tư này. Giá trị khoản đầu tư này đang được xác định lại căn cứ theo Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020 đã được kiểm toán.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	117.899.150.431	129.597.447.342
- Công ty CP Thủy điện Thiên Tân	5.100.415.846	5.100.415.846
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	24.823.707.819	27.917.447.401
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung	2.683.335.381	15.098.553.050
- Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	11.612.788.762	10.191.898.008
- Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	1.489.600.000	5.439.104.002
- Ban QLDA nhiệt điện 2	2.418.828.407	2.418.828.407
- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	2.519.009.886	3.423.920.444
- Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	6.254.124.192	16.561.649.447
- Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	15.239.712.459	8.537.490.337
- Công ty CP Đầu tư Sài Gòn VRG	1.607.258.998	1.130.302.320
- Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	5.506.445.173	1.946.612.149
- Công ty TNHH Điện Xêkhaman 1	-	2.600.450.894
- Công ty CP Đầu tư và LĐTĐ NM Thủy điện Đa Dâng	-	1.024.000.000
- Công ty TNHH Điện Xêkaman 3	35.595.884	1.911.636.552
- BDH DA TĐ Đồng Nai 5	-	1.280.541.000
- Công ty CP Khai thác Thủy điện Sông Giang	-	1.100.083.384
- Công ty Truyền tải điện 3	841.345.819	1.100.296.677
- Công ty Phát triển thủy điện Sê San	505.599.160	505.599.160
- Công ty TNHH Hải Linh	-	4.389.500.000
- Công ty CP Điện KCN Vĩnh Lộc	-	1.198.619.859
- Các khoản phải thu khách hàng khác	37.261.382.645	16.720.498.405
Phải thu của khách hàng dài hạn	53.736.398.451	23.274.599.485
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	9.437.755.393	3.050.343.604
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung	8.619.657.416	6.673.222.408
- Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	4.624.999.470	2.714.122.615
- Ban QLDA thủy điện 1	1.244.364.245	1.244.364.245
- Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	1.097.581.625	-
- Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	4.520.446.720	-
- Công ty CP Điện KCN Vĩnh Lộc	11.364.933.050	-
- Công ty TNHH Điện Xêkaman 3	429.821.173	-
- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	4.591.334.171	1.499.881.268
- Ban QLDA NMTĐ Đồng Nai 5	1.555.878.980	1.748.428.980
- Các khoản phải thu khách hàng khác	6.249.626.208	6.344.236.365
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 35.1)	131.127.488.451	119.570.615.032

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.931.805.891	-	6.894.756.577	-
- Tạm ứng cho nhân viên	2.441.870.145	-	1.183.171.061	-
- Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	5.207.810.037	-
- Bảo hiểm xã hội	196.313.460	-	225.885.547	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	11.206.461	-	8.574.227	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	38.388.889	-	201.575.000	-
- Phải thu tiền thanh lý TSCD và CCDC	17.500.000	-	-	-
- Phải thu Công trình TBA 220kV Lao Bảo & đđ 220kV Đông Hà - Lao Bảo	135.657.000	-	-	-
- Phải thu ngắn hạn khác	85.869.936	-	67.740.705	-
Dài hạn	517.000.000	-	153.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	517.000.000	-	153.000.000	-
Cộng	3.448.805.891	-	7.047.756.577	-

9. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Tại 31/12/2020			Tại 01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Đã trích lập dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Đã trích lập dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
+ Ban QLDA Nhiệt điện 2	2.418.828.407	-	(2.418.828.407)	2.418.828.407	725.648.522	(1.693.179.885)
+ Công ty Cổ phần Thủy điện Thiên Tân	5.100.415.846	-	(5.100.415.846)	5.100.415.846	-	(5.100.415.846)
+ Ban QLDA Điện lực Miền Nam	3.446.377.257	2.412.464.080	(1.033.913.177)	224.754.656	157.328.259	(67.426.397)
+ Công ty TNHH điện Xêkhaman I	-	-	-	2.600.450.894	1.300.225.447	(1.300.225.447)
+ Công ty Cổ phần khai thác thủy điện Sông Giang	-	-	-	1.100.083.384	296.378.400	(803.704.984)
+ Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	479.128.000	-	(479.128.000)	479.128.000	-	(479.128.000)
+ Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum	572.105.250	-	(572.105.250)	572.105.250	-	(572.105.250)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha	1.391.554.962	531.884.348	(859.670.614)	570.104.962	285.052.481	(285.052.481)
+ Khác	6.167.833.563	1.635.144.080	(4.532.689.483)	8.930.934.746	4.370.447.550	(4.560.487.196)
Cộng	19.576.243.285	4.579.492.508	(14.996.750.777)	21.996.806.145	7.135.080.659	(14.861.725.486)

10. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	178.246.065	-	149.783.527	-
Công cụ, dụng cụ	4.027.268	-	4.858.815	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.741.221.092	-	19.578.658.690	-
Cộng	19.923.494.425	-	19.733.301.032	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	699.005.930	164.869.981
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	181.048.898	116.811.798
- Chi phí phần mềm	517.957.032	48.058.183
Dài hạn	4.548.944.138	2.816.988.675
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.868.458.759	2.199.667.924
- Chi phí phần mềm máy tính chờ phân bổ	1.680.485.379	617.320.751
Cộng	5.247.950.068	2.981.858.656

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2020	13.196.031.024	16.889.798.530	16.908.331.426	5.239.959.242	52.234.120.222
- Mua trong năm	-	1.336.006.573	1.109.600.000	2.806.994.570	5.252.601.143
- Thanh lý, nhượng bán	-	(532.715.000)	(491.787.000)	(32.700.000)	(1.057.202.000)
Tại 31/12/2020	13.196.031.024	17.693.090.103	17.526.144.426	8.014.253.812	56.429.519.365
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2020	(6.768.041.457)	(10.653.186.198)	(11.324.850.050)	(4.017.469.498)	(32.763.547.203)
- Khấu hao trong năm	(1.552.973.520)	(2.016.230.063)	(2.148.290.951)	(1.468.770.723)	(7.186.265.257)
- Thanh lý, nhượng bán	-	532.715.000	491.787.000	32.700.000	1.057.202.000
Tại 31/12/2020	(8.321.014.977)	(12.136.701.261)	(12.981.354.001)	(5.453.540.221)	(38.892.610.460)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2020	6.427.989.567	6.236.612.332	5.583.481.376	1.222.489.744	19.470.573.019
Tại 31/12/2020	4.875.016.047	5.556.388.842	4.544.790.425	2.560.713.591	17.536.908.905

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 18.722.012.291 đồng.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2020	10.706.370.572	9.110.614.204	19.816.984.776
- Mua trong năm	-	1.033.212.000	1.033.212.000
Tại 31/12/2020	10.706.370.572	10.143.826.204	20.850.196.776
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2020	(1.645.575.597)	(6.329.830.335)	(7.975.405.932)
- Khấu hao trong năm	(198.171.480)	(2.590.163.454)	(2.788.334.934)
Tại 31/12/2020	(1.843.747.077)	(8.919.993.789)	(10.763.740.866)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2020	9.060.794.975	2.780.783.869	11.841.578.844
Tại 31/12/2020	8.862.623.495	1.223.832.415	10.086.455.910

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 5.931.058.470 đồng.

Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất tại quận 2 - Thửa đất số 143 theo Hợp đồng thế chấp số 36/2006/95234 ngày 15/12/2006 với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 là 2.796.957.135 đồng nhằm bảo lãnh thanh toán cho các dự án.

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chi phí khấu hao	155.297.352	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	155.297.352	-

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	17.929.392.843	17.929.392.843	5.195.259.950	5.195.259.950
- Công ty CP Thiết bị Điện Sài Gòn	9.106.510.206	9.106.510.206	-	-
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cholimex	884.198.893	884.198.893	-	-
- Công ty CP Cơ Điện Đại Dững	903.420.611	903.420.611	-	-
- Công ty TNHH Đầu Tư SX-TM-DV Nam Lập Phát	425.542.559	425.542.559	-	-
- Công ty TNHH TM Lắp Đặt PCCC Tân Lập	707.262.403	707.262.403	-	-
- Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	814.000.000	814.000.000	-	-
- Công ty TNHH Tư vấn TKXD Giao Thông Nam Bộ	279.868.577	279.868.577	-	-
- Công ty CP XD & Lắp Máy Trung Nam	657.900.000	657.900.000	-	-
- Công ty TNHH TMDV Nam Việt	535.167.506	535.167.506	367.356.000	367.356.000
- Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mí	319.959.153	319.959.153	384.319.234	384.319.234
- Cty CP Thiết kế - Tư vấn XD Cần Thơ	164.203.373	164.203.373	164.203.373	164.203.373
- Công ty TNHH Kỹ thuật điện Phương Nam	139.814.500	139.814.500	139.814.500	139.814.500
- Công ty CP Tư vấn XD thủy lợi - thủy điện Sơn Việt	170.000.000	170.000.000	136.000.000	136.000.000
- Viện Thủy Công	-	-	185.368.235	185.368.235
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 5	108.389.600	108.389.600	231.778.800	231.778.800
- Phải trả nhà cung cấp khác	2.713.155.462	2.713.155.462	3.586.419.808	3.586.419.808
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 35.1)	1.133.959.153	1.133.959.153	384.319.234	384.319.234

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	12.261.642.340	23.374.246.189	32.598.350.823	3.037.537.706
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.612.320.295	4.887.025.118	6.545.136.903	954.208.510
- Thuế thu nhập cá nhân	1.807.718.962	10.130.194.939	11.764.773.506	173.140.395
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.791.415	5.791.415	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	229.825.600	229.825.600	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	99.099.008	22.613	99.076.395
Cộng	16.681.681.597	38.726.182.269	51.143.900.860	4.263.963.006

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	5.051.077.384	6.041.072.280
- Trích chi phí cho các dự án, công trình	5.051.077.384	6.041.072.280
b) Dài hạn	-	-
Cộng	<u>5.051.077.384</u>	<u>6.041.072.280</u>

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	22.622.589.819	16.672.857.234
- Kinh phí công đoàn	370.150.980	124.892.640
- Bảo hiểm y tế	97.720.373	94.151.961
- Bảo hiểm thất nghiệp	397.424	967.156
- Phải trả cổ tức cho cổ đông	824.739.275	662.177.675
- Phải trả CBCNV về hoàn tạm ứng chi phí	210.825.190	1.012.411.455
- Phải trả về khoản tạm thu thuế TNCN của CBCNV	13.538.416.285	8.975.465.649
- Chi phí công trình phải trả	7.063.384.052	5.378.134.480
- Phải trả thuế TNCN dự án TĐ Xekaman 1	147.602.436	147.602.436
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	369.353.804	277.053.782
b) Dài hạn	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	<u>22.622.589.819</u>	<u>16.672.857.234</u>

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Giá trị	Tại 31/12/2020		Trong năm		Tại 01/01/2020	
		Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	-	-	14.869.592.768	25.565.629.344	10.696.036.576	10.696.036.576	
- Vay cán bộ công nhân viên các phòng ban	-	-	14.869.592.768	25.565.629.344	10.696.036.576	10.696.036.576	
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-	
	-	-	14.869.592.768	25.565.629.344	10.696.036.576	10.696.036.576	

Đây là khoản Công ty đã vay lại lương khoán đã được duyệt chi của năm 2019 từ các phòng ban Công ty. Công ty và các phòng ban Công ty đã ký các Biên bản thỏa thuận về việc sẽ cho Công ty vay tín chấp số tiền lương khoán năm 2019 còn phải trả với lãi suất cho vay là 0% và thời hạn trả vay đến ngày 31 tháng 03 năm 2021. Tại 31/12/2020 số dư khoản vay này đã tất toán.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 22/04/2020 là 82.760.800.000 đồng, chia thành 8.276.080 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Tình hình góp vốn của các cổ đông như sau:

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Tập đoàn điện lực Việt Nam	48,78%	40.371.340.000	48,78%	40.371.340.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	7,69%	6.362.490.000	7,80%	6.453.490.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	4,98%	4.123.000.000	0,00%	-
Cty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	4,79%	3.966.570.000	0,00%	-
Ông Trần Quốc Điền	0,00%	-	6,13%	5.072.290.000
Cổ đông khác	33,76%	27.937.260.000	37,29%	30.863.540.000
Cổ phiếu quỹ	0,00%	140.000	0,00%	140.000
Cộng	100%	82.760.800.000	100%	82.760.800.000

20.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.760.800.000	82.760.800.000
+ Vốn góp đầu năm	82.760.800.000	82.760.800.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	82.760.800.000	82.760.800.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.931.279.200	8.276.066.000

20.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.276.080	8.276.080
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.276.080	8.276.080
+ Cổ phiếu phổ thông	8.276.080	8.276.080
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	14	14
+ Cổ phiếu phổ thông	14	14
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.276.066	8.276.066
+ Cổ phiếu phổ thông	8.276.066	8.276.066
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

20.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2019	82.760.800.000	-	(140.000)	3.490.000.000	15.505.116.703	101.755.776.703
- Lãi trong năm	-	-	-	-	16.918.912.973	16.918.912.973
- Cổ tức đã công bố năm 2018	-	-	-	-	(8.276.066.000)	(8.276.066.000)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2018	-	-	-	4.337.000.000	(4.337.000.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành năm 2018	-	-	-	-	(1.946.000.000)	(1.946.000.000)
Tại 31/12/2019	82.760.800.000	-	(140.000)	7.827.000.000	17.864.963.676	108.452.623.676
Tại 01/01/2020	82.760.800.000	-	(140.000)	7.827.000.000	17.864.963.676	108.452.623.676
- Lãi trong năm	-	-	-	-	19.619.895.145	19.619.895.145
- Cổ tức đã công bố năm 2019 (*)	-	-	-	-	(9.931.279.200)	(9.931.279.200)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2019 (*)	-	-	-	5.359.000.000	(5.359.000.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành năm 2019 (*)	-	-	-	-	(2.486.000.000)	(2.486.000.000)
Tại 31/12/2020	82.760.800.000	-	(140.000)	13.186.000.000	19.708.579.621	115.655.239.621

(*) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2020 số 0055/NQ-TVĐ3 ngày 27 tháng 03 năm 2020, Công ty thực hiện trích lập các quỹ, chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 12%.

20.5 CÁC QUỸ

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	13.186.000.000	7.827.000.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
Ngoại tệ các loại:		
- Đồng Đô la Mỹ (USD)	1.324.160,81	713.661,65
- Đồng Euro (EUR)	3.410,74	4.072,18

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
a) Doanh thu	408.938.167.809	388.748.715.204
- Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế	408.938.167.809	388.748.715.204
b) Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 35.1)	237.141.844.420	304.814.580.641

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.238.016.187	965.430.425
Trong đó:		
+ Giảm giá hàng bán	5.238.016.187	965.430.425

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn hoạt động khảo sát thiết kế	300.478.995.498	274.088.901.741
Cộng	<u>300.478.995.498</u>	<u>274.088.901.741</u>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.522.135.150	1.926.288.134
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.589.858.000	1.705.357.700
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	61.680.835	190.567.647
Cộng	4.173.673.985	3.822.213.481

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	19.776.717	59.266.434
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	183.265.845	110.947.544
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	193.939.289	378.000.000
Cộng	396.981.851	548.213.978

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<i>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	53.989.911.954	67.184.554.672
- Chi phí nhân viên quản lý	23.652.378.382	32.070.328.167
- Chi phí vật liệu quản lý	985.032.284	1.052.688.210
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.940.770.902	1.285.284.591
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.407.663.545	1.725.277.292
- Thuế, phí và lệ phí	6.791.415	5.999.104
- Chi phí dự phòng	135.025.291	2.403.393.981
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.136.313.315	13.678.125.892
- Chi phí bằng tiền khác	13.725.936.820	14.963.457.435
<i>b. Các khoản chi phí bán hàng</i>	29.245.151.037	25.149.364.048
- Chi phí lương cán bộ nhân viên	6.141.694.607	4.700.942.979
- Chi phí đồ dùng văn phòng	243.676.027	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.037.262.988	-
- Chi phí bán hàng khác	6.822.517.415	20.448.421.069
<i>c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	-	-

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	115.454.545	50.000.000
Lãi thanh lý công cụ dụng cụ	42.681.815	43.227.269
Hoàn nhập chi phí đã trích trước	675.577.263	-
Thu từ tiền cho thuê nhà	251.125.000	245.000.000
Thu nhập từ tiền cho thuê xe	244.545.455	-
Thu nhập khác	11.353	116.363.640
Cộng	1.329.395.431	454.590.909

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Phạt bồi thường thiệt hại	-	1.298.466.986
Phạt vi phạm hành chính	-	229.488.660
Chi phí truy thu thuế, phạt chậm nộp thuế	253.766.223	343.667.705
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	476.018.536	85.372.430
Chi tài trợ giáo dục	-	120.000.101
Chi phí khác	10.773.028	-
Cộng	740.557.787	2.076.995.882

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.351.622.911	23.012.058.848
Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế	1.634.797.320	6.910.668.047
- Thù lao Hội đồng Quản trị	126.000.000	60.000.000
- Tiền phạt thuế và hóa đơn	496.918.304	573.156.365
- Lỗi do đánh giá lại tỷ giá cuối năm nay	183.265.845	110.947.544
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ năm trước	-	102.133.218
- Chi phí khấu hao không được trừ	776.486.760	-
- Trích lập dự phòng không có đối chiếu	-	5.944.430.920
- Chi phí không được trừ	52.126.411	120.000.000
Điều chỉnh giảm các khoản thu nhập chịu thuế	(3.376.382.807)	(4.220.419.693)
- Lợi nhuận cố tức được chia	(2.589.858.000)	(1.705.357.700)
- Giảm chi phí trích lập DP theo BBKT Thuế năm 2018	-	(2.515.061.993)
- Giảm phần chi phí trích trước của XNKS không chi hết đã tính vào TNCT 2019	(675.577.263)	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm trước	(110.947.544)	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	22.610.037.424	25.702.307.202
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.522.007.485	5.140.461.440
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	365.017.633	952.684.435
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.887.025.118	6.093.145.875

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(155.297.352)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(155.297.352)	-

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	19.619.895.145	16.918.912.973
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.607.484.065)	(2.486.000.000)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	8.276.066	8.276.066
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.056	1.744

(*) Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi theo giá trị tạm tính là 10% lợi nhuận sau thuế với số tiền là 1.691.891.297 đồng. Trong năm 2020, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2020 số 0055/NQ-TVĐ3 ngày 27 tháng 03 năm 2020, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2019 với giá trị là 1.786.000.000 đồng và quỹ thưởng Ban điều hành là 700.000.000 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2019 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Ngoài ra, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2020 là số tạm tính trên cơ sở 10% lợi nhuận sau thuế năm 2020 và quỹ thưởng Ban điều hành là 3,29% lợi nhuận sau thuế, căn cứ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 0055/NQ-TVĐ3 ngày 27 tháng 03 năm 2020.

33. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	19.619.895.145	16.918.912.973
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.607.484.065)	(2.486.000.000)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	8.276.066	8.276.066
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	2.056	1.744

(*) Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán, lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi theo giá trị tạm tính là 10% lợi nhuận sau thuế với số tiền là 1.691.891.297 đồng. Trong năm 2020, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2020 số 0055/NQ-TVĐ3 ngày 27 tháng 03 năm 2020, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2019 với giá trị là 1.786.000.000 đồng và quỹ thưởng Ban

điều hành là 700.000.000 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2019 khi tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Ngoài ra, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2020 là số tạm tính trên cơ sở 10% lợi nhuận sau thuế năm 2020 và quỹ thưởng Ban điều hành là 3,29% lợi nhuận sau thuế, căn cứ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 0055/NQ-TVĐ3 ngày 27 tháng 03 năm 2020.

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	8.569.843.489	3.370.035.425
Chi phí nhân công	184.170.847.168	212.742.994.170
Khấu hao tài sản cố định	9.974.600.191	4.908.116.820
Chi phí dự phòng	135.025.291	2.403.393.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	131.713.497.290	18.160.037.047
Chi phí bằng tiền khác	49.312.807.462	116.456.986.830
Cộng	<u>383.876.620.891</u>	<u>358.041.564.273</u>

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

35.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu với các bên liên quan	237.141.844.420	304.814.580.641
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	69.560.767.096	78.341.102.129
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung	22.903.371.960	40.206.930.886
- Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	18.969.838.436	38.981.080.070
- Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	17.666.100.552	9.216.954.547
- CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia	-	1.747.885.989
- CtyTTĐ4		
- Ban QLDA nhiệt điện 3	2.095.715.037	540.086.833
- Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	15.232.803.404	4.045.426.126
- Công ty Thủy điện Trị An	1.342.580.000	925.300.000
- Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	923.782.406	-
- Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	5.476.195.838	9.318.304.769
- Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	-	2.339.512.094
- Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình	1.682.914.787	1.318.156.910
- Trung tâm điều độ HTĐ Quốc Gia	-	317.629.222
- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	20.444.207.717	8.493.483.615
- Ban QLDA TTĐL Ô Môn - Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	711.068.872	358.915.213
- Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	11.988.451.747	63.588.416.640
- Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	11.716.944.664	11.316.122.739
- Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	4.800.058.897	2.076.034.567
- Công ty CP Thủy điện Sông Ba Hạ	1.546.000.000	-
- Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (Genco 3)	422.614.308	1.600.282.126
- Công ty thủy điện Đại Ninh	-	1.714.693.753

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu với các bên liên quan (tiếp)		
- Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa	586.252.514	116.856.877
- Công ty thủy điện Đồng Nai	1.782.400.000	-
- Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	679.727.273	-
- Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân	831.081.520	16.425.468.910
- Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	423.272.727	-
- Ban QLDA Lưới điện miền Nam	3.200.212.800	249.864.441
- Ban Quản lý dự án Điện 3	2.345.000.000	2.764.753.134
- Công ty CP Đầu tư Điện lực 3	469.808.349	-
- Công ty Điện Lực Sài Gòn	33.327.848	19.790.716
- Công ty TNHH MTV NMTĐ Thác Ba	1.440.408.533	-
- Ban Quản lý dự án Điện 2	6.791.112.560	3.373.122.627
- Công ty Nhiệt điện Cần Thơ	375.777.900	405.640.800
- Công ty nhiệt điện Mông Dương	2.355.527.843	-
- Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nah	1.105.368.000	-
- Ban QLDA Truyền tải điện (NPTPNB)	2.001.150.754	-
- Ban QLDA Điện 1	2.502.999.500	-
- Tổng Công ty Phát Điện 2 - Công ty TNHH MTV	281.046.150	-
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 3 - CN	873.255.373	246.452.344
- Truyền tải điện Bình Thuận	8.923.500	-
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Sê San 3A	-	728.848.945
- Công ty điện lực Thừa Thiên Huế	35.282.389	-
- Truyền tải điện Gia Lai	170.443.611	12.112.847
- Công ty truyền tải điện 3	1.366.049.555	4.025.350.772
Mua hàng với các bên liên quan	2.644.301.676	2.525.715.022
- Điện lực Sài Gòn	746.119.558	782.427.055
- Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	130.555.754	1.399.363.753
- Công ty CP Tư vấn XD điện 1	1.027.626.364	343.924.214
- Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	740.000.000	-
Trả cổ tức	5.608.059.600	4.489.119.850
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.844.560.800	3.843.770.850
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt	763.498.800	645.349.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	494.760.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng thu nhập của HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc	5.436.845.725	5.896.774.244
Lương, các khoản thưởng và phúc lợi khác	5.436.845.725	5.896.774.244
	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
<i>Phải thu khách hàng</i>	131.127.488.451	119.570.615.032
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	34.261.463.212	30.967.791.005
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung	11.302.992.797	21.771.775.458
- Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	16.237.788.232	12.906.020.623
- Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	2.587.181.625	5.439.104.002
- CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia - CtyTTĐ4	298.293.280	298.293.280
- Ban QLDA nhiệt điện 3	1.027.171.570	529.346.697
- Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	6.949.438.876	2.468.457.671
- Công ty Thủy điện Trị An	1.476.838.000	1.017.830.000
- Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	1.133.276.021	-
- Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	404.244.508	-
- Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	136.374.202	1.077.391.126
- Công ty CP Thủy điện miền Trung	70.450.000	70.450.000
- Ban QLDA thủy điện 1	1.244.364.245	1.244.364.245
- Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh	2.332.236.741	725.760.020
- Ban QLDA nhiệt điện 2	2.418.828.407	2.418.828.407
- Trung tâm điều độ HTĐ Quốc Gia	349.392.144	349.392.144
- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	7.110.344.057	4.923.801.712
- Công ty CP thủy điện La Ngâu	160.318.500	160.318.500
- Ban QLDA TTĐL Ô Môn - Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	797.287.174	1.027.982.330
- Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	6.254.124.192	16.836.649.447
- Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	19.760.159.179	8.537.490.337
- Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (Genco 3)	-	776.402.344
- Công ty thủy điện Đại Ninh	-	1.508.930.502
- Ban QLDA lưới điện - Tổng Cty Điện lực	88.833.631	88.833.631

Số dư với các bên liên quan (tiếp)

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
<i>Phải thu khách hàng (tiếp)</i>		
- Công ty thủy điện Đồng Nai	1.470.480.000	-
- Công ty DV Điện lực Miền Trung	-	353.487.704
- Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	74.770.000	-
- Công ty CP Phát triển Điện Lực VN	-	-
- Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân	430.518.181	-
- Ban QLDA Lưới điện miền Nam	2.239.023.099	59.083.350
- Ban Quản lý dự án Điện 3	245.384.334	2.406.934.660
- Công ty Điện Lực Sài Gòn	8.436.340	-
- Ban Quản lý dự án Điện 2	4.900.603.016	-
- Công ty Nhiệt điện Cần Thơ	41.335.569	-
- Công ty nhiệt điện Móng Dương	1.821.989.718	-
- Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nah	851.133.360	-
- Ban QLDA Truyền tải điện (NPTPNB)	986.318.497	-
- Tổng Công ty Phát Điện 2 - Công ty	309.150.765	-
- Công ty Phát Triển Thủy điện Sê San	505.599.160	505.599.160
- Công ty Truyền tải Điện 3 - EVN	841.345.819	1.100.296.677
<i>Phải trả người bán</i>	1.133.959.153	384.319.234
- Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	319.959.153	384.319.234
- Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	814.000.000	-
<i>Người mua trả tiền trước</i>	33.957.840.209	34.598.070.575
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	8.589.985.004	12.772.809.501
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung	6.586.417.417	3.055.267.728
- Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	6.698.941.582	9.929.726.206
- Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	1.012.464.200	-
- CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia -	190.445.250	190.445.250
- Ban QLDA nhiệt điện 3	704.661.232	524.454.975
- Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	515.371.971	1.392.358.714
- Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	618.000.000	618.000.000
- Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	1.592.555.628	2.359.745.640
- Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình	-	244.729.545
- Ban QLDA nhiệt điện 2	24.101.177	24.101.177
- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	-	413.065.000
- Ban QLDA TTĐL Ô Môn - Công ty TNHH	92.161.685	92.161.685
- Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	691.500.000	691.500.000
- Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	225.060.000	529.517.326
- Công ty CP Thủy điện Sông Ba Hạ	-	340.120.000
- Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (Genco 3	-	139.462.722

Số dư với các bên liên quan (tiếp)

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
<i>Người mua trả tiền trước (tiếp)</i>		
Công ty CP Phát triển Điện Lực VN	100.438.263	100.438.263
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	-	139.680.000
Ban QLDA Lưới điện miền Nam	1.946.246.000	-
Ban Quản lý dự án Điện 3	545.625.000	75.000.000
Công ty CP Đầu tư Điện lực 3	139.200.000	232.000.000
Công ty TNHH MTV NMTĐ Thác Ba	246.868.800	221.279.843
Ban Quản lý dự án Điện 2	-	512.207.000
Ban QLDA Truyền tải điện (NPTPNB)	3.437.797.000	-

35.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Trong năm 2020, liên quan đến gói thầu khảo sát thiết kế của Dự án Thủy điện Sông Bung 2, các Công ty bảo hiểm (bao gồm Tổng Công ty CP Bảo hiểm Toàn Cầu, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty CP Bảo hiểm Hàng Không) đã nộp hồ sơ khởi kiện tại Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu các nhà thầu tư vấn có liên quan đến sự cố tại hầm dẫn dòng công trình thủy điện Sông Bung 2 năm 2016 gồm Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 3 (PECC3), Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh (KHIDI) và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2) phải liên đới bồi hoàn số tiền các Công ty Bảo hiểm yêu cầu bồi thường là 6.516.225.000 đồng. Đơn khởi kiện không nêu chi tiết rõ số tiền đòi bồi hoàn của từng nhà thầu tư vấn. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã gửi Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 22/9/2020 nêu sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm của tư vấn thiết kế KHIDI & PECC3, do vậy PECC3 không phải chịu trách nhiệm đối với một sản phẩm không phải là thiết kế của KHIDI & PECC3. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa nhận được thông báo của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về lịch hòa giải và xét xử. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp này chưa bao gồm những ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến kết quả vụ kiện nêu trên.

Ngoài ra, không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

35.3 CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê nhà tại số 32 Ngô Thời Nhiệm để xây dựng Văn phòng làm việc. Theo đó, các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện cam kết phải trả cho việc thuê trụ sở kinh doanh tại địa chỉ số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP.HCM căn cứ theo Hợp đồng thuê nhà số

69/HĐTN-QLKDU-KD ngày 20/3/2020 với Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP.HCM. Thời hạn thuê từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020, cụ thể như sau:

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	-	4.145.454.545
Cộng	-	4.145.454.545

35.4 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

35.5 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

35.6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán. Như được nêu tại mục 32 và 33 của Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp, một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh như sau:

Chỉ tiêu Báo cáo kết quả kinh doanh	Mã số	Năm 2019 đã kiểm toán VNĐ/cổ phiếu	Năm 2019 sau điều chỉnh VNĐ/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.840	1.744
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.840	1.744

Ghi chú: Toàn bộ báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán được đăng trên địa chỉ Website: www.pecc3.com.vn

TL.TỔNG GIÁM ĐỐC

Thư ký Công ty



Nguyễn Văn Long